

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
LỚP 7
Môn : NGỮ VĂN
PHẦN THẨM ĐỊNH

NĂM 2023

BÀI 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT (THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: SANG THU	6	6	3	15
2	Ngữ liệu 2: ÁNH TRĂNG	6	6	2	14
3	Ngữ liệu 3: MỞ SÁCH RA LÀ THẤY	5	4	3	12
Tổng		17	16	8	41

Ngữ liệu 1

SANG THU
(Hữu Thỉnh)

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

(In trong Từ chiến hào đến thành phố, NXB Văn học 1981)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

- a) Nhận biết:**
Câu 1: Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?
A. Năm chữ
B. Bốn chữ
C. Tự do
D. Tám chữ
Câu 2: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên là gì?

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 3: Bài thơ “Sang thu” viết về thời điểm sang thu ở vùng nào?

A. Vùng Bắc Bộ

B. Vùng Tây Nguyên.

C. Vùng Nam Trung Bộ.

D. Vùng Đông Nam Bộ.

Câu 4: Trong khổ thơ đầu của bài thơ “Sang thu”, những dấu hiệu nào của thiên nhiên cho thấy tín hiệu báo sang thu?

A. Hương ổi, gió se, sương.

B. Gió se, lá thu rơi.

C. Sương, gió se, mưa

D. Hương ổi, gió se, nắng.

Câu 5: Hai câu thơ “Sương chùng chình qua ngõ - Hình như thu đã về” sử dụng phép tu từ nào?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. Hoán dụ

D. Điệp từ

Câu 6: Từ **đã** trong câu thơ “Hình như thu đã về” thuộc từ loại nào?

A. Phó từ

B. Danh từ.

C. Động từ.

C. Tính từ

b) Thông hiểu:

Câu 7: Từ “**dềnh dàng**” trong câu thơ “Sông được lúc **dềnh dàng**” có nghĩa là gì?

A. Chầm chậm, thông thả.

B. Êm đềm, buồn bã.

C. Buồn bã, thông thả.

D. Chầm chậm, buồn bã.

Câu 8: Những từ “**vẫn còn**”, “**bao nhiêu**”, “**voi dãn**”, “**cũng bớt**” được tác giả sử dụng trong khổ cuối có ý nghĩa gì?

A. Sự thay đổi trạng thái thiên nhiên, cảnh vật lúc sang thu.

B. Sự giao hòa của thiên nhiên cảnh vật lúc giao mùa

C. Sự khác biệt rõ ràng của thiên nhiên giữa mùa hạ và mùa thu.

D. Sự thay đổi lớn giữa mùa hạ và mùa thu.

Câu 9: Cảm xúc của tác giả khi nhận ra thu sang trong câu “Hình như thu đã về” là gì?

A. Bâng khuâng, ngỡ ngàng .

B. Ngạc nhiên, vui sướng .

C. Vui sướng, bất ngờ.

D. Bâng khuâng vui sướng.

Câu 10: Ý nghĩa ẩn dụ của câu thơ “*Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi*” là gì?

A. Con người từng trải, không còn thấy bất ngờ trước những vang động bất thường của cuộc sống.

B. Sấm mùa thu không còn nhiều bất ngờ với hàng cây đứng tuổi

C. Hàng cây đứng tuổi trải qua nhiều mùa sấm chớp nên không còn bất ngờ đối với chúng nữa

D. Những hàng cây đứng tuổi đã quen với tiếng sấm của mùa hạ nên không thấy bất ngờ với tiếng sấm của mùa thu

Câu 11: Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ *Sang thu*?

A. Mộc mạc, chân thành

B. Lãng mạn, thanh thoát

C. Mới mẻ, tinh tế

D. Hồn nhiên, tươi trẻ

Câu 12: Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa hạ - thu có đặc điểm gì?

A. Nhẹ nhàng, giao cảm.

B. Bình lặng, ngưng đọng

C. Xôn xao, rộn rang

D. Sôi động, náo nhiệt

c) **Vận dụng:**

Câu 13: Nếu phải trình bày nhận xét sau khi đọc xong bài thơ *Sang thu*, em sẽ chọn nhận xét nào sau đây là đúng nhất?

A. Bài thơ chính là sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trong thời khắc giao mùa từ hạ sang thu bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa, triết lý.

B. Bài thơ chính là sự cảm nhận của nhà thơ trước những tín hiệu báo thu sang bằng những câu ngắn gọn, chính xác.

C. Bài thơ chính là sự cảm nhận của nhà thơ về thiên nhiên lúc sang thu và suy ngẫm về cuộc đời con người hình ảnh mới mẻ, gợi cảm.

D. Bài thơ chính là sự cảm nhận về những bước đi chậm rãi của thời gian bằng những từ ngữ quen thuộc, đơn giản.

Câu 14: Qua hai câu thơ: *Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*. Em rút ra được bài học gì?

A. Rèn luyện bản thân mạnh mẽ, vững vàng trong cuộc sống.

B. Rèn luyện tinh thần tự học.

- C. Rèn luyện ý chí nghị lực.
- D. Rèn luyện tinh thần vượt khó.

Câu 15: Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì đến người đọc?

- A Cần biết lắng nghe và cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan.
- B.Cần trồng thêm nhiều cây xanh.
- C.Cần chăm sóc và bảo vệ cây xanh.
- D. Cần nêu cao ý thức bảo vệ môi trường.

Ngữ liệu 2

ÁNH TRĂNG

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa*

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

(*Ánh trăng*, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 16: Bài thơ *Ánh trăng* được viết theo thể thơ nào?

- A. Năm chữ.
- B. Tự do
- C. Bốn chữ.
- D. Lục bát

Câu 17: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Nghị luận

Câu 18: Khi gặp lại vầng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

- A. Rung rung.
- B. Lo âu.
- C. Ngại ngùng.
- D. Vô cảm

Câu 19: Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

- A. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố
- B. Hồi về thành phố
- C. Hồi nhỏ
- D. Hồi chiến tranh.

Câu 20: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Vầng trăng thành tri kỉ”?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Nói quá
- D. Nói giảm, nói tránh

Câu 21: Từ *cứ* trong câu thơ “Trăng cứ tròn vành vạnh” thuộc từ loại nào?

- A. Phó từ
- B. Danh từ.
- C. Động từ.
- D. Tính từ

b) Thông hiểu:

Câu 22: Từ *tri kỉ* trong câu “Vầng trăng thành tri kỉ” có nghĩa là gì?

- A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình
- B. Biết được giá trị của người nào đó

- C. Người có hiểu biết rộng
- D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

Câu 23: Từ **người đứng** trong câu thơ: “*Vàng trắng đi qua ngõ - như người đứng qua đường*” có nghĩa là gì?

- A. Người hoàn toàn xa lạ
- B. Là người đã quen biết từ lâu.
- C. Là người mới quen biết.
- D. Là người vừa gặp là quen.

Câu 24: Từ “**vô tình**” trong câu thơ “kể chi người vô tình” có những lớp nghĩa nào?

- A. Không có tình nghĩa, không có tình cảm
- B. Không chủ ý, không cố ý.
- C. Không có tội tình gì.
- D. Không cần thiết..

Câu 25: Hình ảnh “*trăng cứ tròn vành vạnh*” tượng trưng cho điều gì?

- A. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn
- B. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy
- C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.
- D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

Câu 26: Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?

A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.

- B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.
- C. Vì vàng trắng đã gọi lại kỉ niệm xưa.
- D. Vì bất ngờ “ta” gặp lại vàng trắng xưa.

Câu 27: Ý nào không phù hợp với ý nghĩa của hình ảnh vàng trắng?

- A. Biểu tượng của sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ
- B. Biểu tượng trong quá khứ tình nghĩa
- C. Biểu tượng về đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống
- D. Biểu tượng của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát.

c) **Vận dụng:**

Câu 28: Tư tưởng mà nhà thơ muốn gửi gắm qua bài thơ là gì?

A. Con người có thể vô tình, lãng quên tất cả, nhưng thiên nhiên, nghĩa tình, quá khứ thì luôn đông đầy, bất diệt

B. Thiên nhiên, vạn vật thì vô hạn, tuần hoàn còn cuộc đời con người thì hữu hạn

C. Thiên nhiên luôn bên cạnh con người, là người bạn thân thiết của con người

D. Cuộc sống vật chất dù đầy đủ cũng sẽ tiêu tan, chỉ có đời sống tinh thần là bất diệt.

Câu 29: Nhận định nào nói đúng nhất vấn đề về thái độ của con người mà bài thơ đặt ra?

A. Thái độ ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

B. Thái độ với con người đã khuất.

C. Thái độ đối với chính mình.

D. Thái độ quan tâm đến mọi người.

Ngữ liệu 3

MỞ SÁCH RA LÀ THẤY

Bao la và bí ẩn Như biển xa rừng sâu Mở ra một cuốn sách Một thế giới bắt đầu	Đôi khi kẻ độc ác Lại không là cạp beo Cũng đôi khi đói nghèo Chưa hẵn người tốt bụng
Ẩn hiện sau mặt chữ Là bao gương mặt người Có long lanh nước mắt Có rạn vỡ miệng cười	Trăm sông dài, biển rộng Nghìn núi cao, vực sâu Cả bốn biển, năm châu Mở sách ra là thấy
Có ngày mưa tháng nắng Mùa xuân và mùa đông Cô Tấm và cô Cám Thạch Sanh và Lý Thông	Lật một trang sách mới Như vung cây đuă thần Thấy sao Kim, sao Hoả Thấy ngàn xưa Lý – Trần...
Có địa ngục, thiên đường Có quỷ, ma, tiên, Phật Có bác gấu dữ dằn Có cô nai nhút nhát...	Ta “đi” khắp thế gian Chỉ bằng đôi con mắt Sẽ “cận thị” suốt đời Những ai không đọc sách (Theo Cao Xuân Sơn, <i>Hỏi lá hỏi hoa</i> NXB Kim Đồng, 2017)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 30. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thơ năm chữ

B. Thơ bốn chữ

C. Thơ tứ tuyệt

D. Thơ lục bát

Câu 31. Từ **những** trong khổ thơ sau thuộc từ loại nào?

*Ta “đi” khắp thế gian
Chỉ bằng đôi con mắt
Sẽ “cận thị” suốt đời
Những ai không đọc sách.*

A. Phó từ

B. Động từ.

C. Danh từ.

D. Tính từ

Câu 32: Đoạn thơ sau được ngắt nhịp như thế nào?

*Trăm sông dài, biển rộng
Nghìn núi cao, vực sâu
Cả bốn biển, năm châu
Mở sách ra là thấy*

A. 3/2

B. 2/3

C. 1/4

D. 4/1

Câu 33: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Bao la và bí ẩn
Như biển xa rừng sâu
Mở ra một cuốn sách
Một thế giới bắt đầu*

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Chơi chữ

D. Hoán dụ.

Câu 34: Những truyện cổ tích nào được nhắc đến trong bài thơ trên?

A. Thạch Sanh, Tấm Cám

B. Thạch Sanh, Sọ Dừa

C. Thạch Sanh, Cô Tấm và Cô Cám

D. Chàng Thạch Sanh, Tấm Cám

b) Thông hiểu:

Câu 35: Câu nào sau đây nêu đúng ý nghĩa nhan đề của bài thơ?

A. **Khơi dậy trí tò mò và lòng yêu thích của con người trong việc đọc sách**

B. Nhắc nhở con người nên mở sách ra để thấy những điều mới mẻ

C. Khuyến khích con người nên mở sách ra để thấy những điều mới mẻ

D. Thúc đẩy sự yêu thích của con người trong việc đọc sách

Câu 36: Câu nào sau đây thể hiện chủ đề của bài thơ trên?

A. **Sách mở ra cho ta cả thế giới của loài người**

B. Sách mở ra cho ta những chân trời mới

C. Sách mở ra cho ta thế giới cổ tích và lịch sử dân tộc

D. Sách là người bạn bên gối của con người.

Câu 37: Biện pháp tu từ so sánh trong khổ thơ sau có tác dụng gì?

*Bao la và bí ẩn
Như biển xa rừng sâu
Mở ra một cuốn sách
Một thế giới bắt đầu*

A. Mở ra hình ảnh một thế giới mới đằng sau những trang sách

B. Gọi lên hình ảnh bao la và bí ẩn của những trang sách

C. Mở ra những điều thú vị, tuyệt vời và đầy hấp dẫn đằng sau những trang sách.

D. Gọi lên sự rộng lớn, chứa đựng nhiều điều bí ẩn đang chờ đợi được khám phá đằng sau những trang sách

Câu 38: Dấu chấm lửng dùng trong đoạn thơ sau có tác dụng gì?

*Có địa ngục, thiên đường
Có quỷ, ma, tiên, Phật
Có bác gấu dữ dằn
Có cô nai nhút nhát...*

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết ở trong sách

B. Thể hiện lời nói bỏ dờ ngập ngừng của nhân vật trong sách

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn.

D. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bỏ.

c) Vận dụng

Câu 39: Theo em, đoạn thơ sau muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?

*Đôi khi kẻ độc ác
Lại không là cọp beo
Cũng đôi khi đòi nghèo
Chưa hẳn người tốt bụng*

A. Không nên nhìn nhận và đánh giá con người quá vội vàng qua vẻ bề ngoài và hoàn cảnh

B. Không nên đánh giá và nhìn nhận con người quá vội vàng qua hoàn cảnh

C. Không nên nhìn nhận và đánh giá con người quá vội vàng qua vẻ bề ngoài

D. Không nên nhìn nhận và đánh giá con người quá vội vàng qua hành động

Câu 40: Em rút ra được bài học nhận thức và hành động gì từ bài thơ trên?

A. Nên nuôi dưỡng lòng yêu thích đọc sách và cần đọc thêm nhiều sách để mở rộng hiểu biết

B. Cần rèn luyện thói quen đọc sách mỗi ngày để mở rộng hiểu biết

C. Nhận thấy được tầm quan trọng của sách và cần rèn thói quen đọc sách

D. Nhận thức được tầm quan trọng của thói quen đọc sách mỗi ngày

Câu 41: Qua bài thơ, em nhận thấy việc đọc sách có vai trò gì quan trọng nhất đối với cuộc sống của con người?

A. Đọc sách giúp ta mở rộng tri thức, hiểu biết trên mọi lĩnh vực.

B. Đọc sách giúp ta đi đây đi đó được nhiều nơi.

C. Đọc sách là để trả món nợ đền sách.

D. Đọc sách để giải trí lúc buồn vui.

BÀI 2. BÀI HỌC CUỘC SỐNG (TRUYỆN NGỤ NGÔN) MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: THỎ VÀ RÙA	8	8	3	19
2	Ngữ liệu 2: THẦY BÓI XEM VOI	7	4	3	14
3	Ngữ liệu: 3 KIẾN VÀ CHẤU CHẤU	6	6	2	14
CỘNG		22	20	8	47

Ngữ liệu 1

RÙA VÀ THỎ

Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hí hục tập chạy.

Thỏ đi qua, nhìn thấy vậy thì phá lên cười, nhạo báng:

– Cậu nên thôi cái việc vô ích ấy đi. Khắp cả khu rừng này, ai chả biết họ nhà cậu là giống loài chậm chạp nhất.

Rùa ngẩng lên, đáp:

– Tôi tập chạy cho khỏe.

Thỏ nói:

– Tôi nói thật đấy! Dù cậu có dành cả đời tập chạy, cũng không bao giờ theo kịp được tôi.

Rùa bực mình vì vẻ ngạo mạn của Thỏ, trả lời lại:

– Nếu vậy tôi với anh thử chạy thi xem ai trong chúng ta sẽ về đích trước.

Thỏ phá lên cười, bảo rằng:

– Sao cậu không rủ Sên thi cùng ấy. Chắc chắn cậu sẽ thắng!

Rùa nói chắc nịch:

– Anh đừng có chế giễu tôi. Chúng ta cứ thử thi xem sao. Chưa biết ai thua cuộc đâu!

Thỏ nhú mào, vênh đôi tai lên tự đắc:

– Được thôi! Tôi sẽ cho cậu thấy

Rùa và Thỏ quy ước lấy gốc cây cổ thụ bên kia hồ làm đích rồi cả hai vào vạch xuất phát.

Thỏ vẫn ngạo nghễ:

– Tôi chấp cậu chạy trước nửa đường luôn đấy!

Biết mình chậm chạp, Rùa không nói gì, chỉ tập trung dồn sức chạy thật nhanh.

Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa.

Thỏ nghĩ: “Giờ mà chạy có thắng cậu ta cũng chả vẻ vang gì. Để lúc nào Rùa gần tới nơi, mình phóng lên cán đích trước càng khiến cậu ta nể phục.”

Thế là Thỏ nhón nhor gặm cỏ, đuổi theo vui đùa cùng lũ bướm ven đường. Mải chơi, Thỏ quên mất cả cuộc thi.

Thỏ đang khoan thai nằm lim dim ngắm bầu trời trong xanh, mây trôi nhè nhẹ. Bỗng bật dậy nhớ tới cuộc thi. Ngược đầu lên thì Rùa đã gần tới đích. Thỏ cầm đầu cầm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã cán đích trước Thỏ một đoạn đường dài.

(Truyện ngụ ngôn Aesop, trang 12-13, NXB Trẻ, HCM- 2010)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 42: Truyện Rùa và Thỏ thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn.

B. Truyện cổ tích.

C. Truyền thuyết.

D. Truyện cười.

Câu 43: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Tự sự.

B. Miêu tả.

C. Biểu cảm.

D. Nghị luận.

Câu 44: Câu chuyện được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện.

B. Lời của nhân vật Rùa.

C. Lời của nhân vật Thỏ.

D. Lời của nhân vật Sên.

Câu 45: Truyện xoay quanh sự việc nào?

A. Cuộc thi chạy giữa Thỏ và Rùa.

B. Thỏ khinh thường rùa chậm chạp.

C. Rùa cần mẫn chăm chỉ nỗ lực thi chạy.

D. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi

Câu 46: Thỏ đã chế diễu Rùa như thế nào?

A. Bảo Rùa là chậm như sên.

B. Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn

C. Bảo Rùa anh đừng chế diễu tôi

D. Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

Câu 47. Tìm phó từ trong câu sau: “Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hí hục tập chạy.”

A. đang

B. bên

C. trời.

D. Một

Câu 48: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn sau: *Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa.*

A. Nhân hóa.

B. So sánh

C. Ẩn dụ.

D. Hoán dụ

Câu 49. Các phó từ “đang, vẫn, sẽ” thể hiện ý nghĩa gì?

A. Chỉ thời gian, sự tiếp diễn.

B. Chỉ không gian, sự tiếp diễn.

C. Chỉ thời gian, sự phủ định.

D. Chỉ thời gian, kết quả.

b) Thông hiểu

Câu 50: Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

A. Thỏ chê Rùa chậm chạp nên Rùa quyết tâm chạy thi.

B. Thỏ và Rùa có cuộc hẹn chạy thi từ trước.

C. Rùa thích chạy đua với Thỏ

D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 51: Vì sao Thỏ chạy thua Rùa?

A. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

B. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích.

Câu 52. Vì sao trong cuộc thi, Thỏ không xuất phát cùng lúc với Rùa?

A. Thỏ ngạo mạn, coi thường Rùa

B. Thỏ thích thể hiện mình

C. Thỏ thích ngắm cảnh đẹp trên đường

D. Rùa muốn Thỏ nhường mình

Câu 53. Hành động của thỏ trong tác phẩm thể hiện tính cách gì?

A. Kiêu ngạo, chủ quan.

B. Khinh thường, nhanh nhẹn.

C. Chủ quan, chậm chạp.

D. Tự tin, nhanh nhẹn.

Câu 54: Truyện *Rùa và Thỏ* phê phán điều gì?

A. Phê phán những người khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo

- B. Phê phán những người lười biếng, khoe khoang
- C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.
- D. Phê phán những người coi thường người khác

Câu 55. Xác định thái độ và hành động của Thỏ đối với Rùa trong câu sau: “ *Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa*”.

- A. Cổ vũ, mỉa mai
- B. Khen thưởng, khích lệ
- C. An ủi, đồng cảm
- D. Khuyến khích, an ủi

Câu 56: Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

- A. Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo
- B. Thỏ đi học muộn
- C. Thỏ cảm cổ chạy, bị ngã
- D. Thỏ mãi mê bắt bướm, quên đường về

Câu 57. Trong câu: “Rùa bức mình vì vẻ ngạo mạn của Thỏ”, từ *ngạo mạn* có nghĩa là gì?

- A. Người kiêu ngạo, tự tin thái quá về bản thân
- B. Người tự tin, biết tự lượng sức mình
- C. Người khiêm tốn, tự tin về bản thân
- D. Người nhiệt tình, biết chừng mực

c) Vận dụng

Câu 58. Qua câu chuyện *Rùa và Thỏ*, em nhận thấy tác giả đã đề cập đến những kiểu người nào trong xã hội?

- A. Kiểu người có ý chí, kiên trì, khiêm tốn và kiểu người ngạo mạn, tự cao.
- B. Kiểu người hiền lành, tốt bụng và kiểu người tham lam, ngu dốt
- C. Kiểu người chăm chỉ, cần cù và kiểu người lười biếng..
- D. Kiểu người ngạo mạn, tự cao, tham lam và kiểu người hiền lành, khiêm

tôn

Câu 59. Tác giả đã gửi đến thông điệp nào đúng nhất sau khi đọc truyện *Rùa và Thỏ*?

- A. Cần có ý chí, kiên trì, khiêm tốn, không ngạo mạn, tự cao
- B. Cần hiền lành, tốt bụng, không tham lam, ngu dốt
- C. Cần chăm chỉ, cần cù, không lười biếng
- D. Cần hiền lành khiêm tốn không tham lam

Câu 60: Sau khi đọc truyện *Rùa và Thỏ*, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?

- A. Bài học về lòng kiên trì, bền bỉ, cần cù, chịu khó
- B. Bài học về lòng yêu quê hương đất nước
- C. Bài học về tinh thần đoàn kết
- D. Bài học về tình yêu thương

Ngữ liệu 2

THẦY BÓI XEM VOI

Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói⁽¹⁾ ngồi chuyện gẫu⁽²⁾ với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.

Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau.

Thầy sờ vòi bảo:

– Tưởng con voi như thế nào, hoá ra nó sun sun⁽³⁾ như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo:

– Không phải, nó chân chẵn⁽⁴⁾ như cái đòn càn⁽⁵⁾.

Thầy sờ tai bảo:

– Đâu có ! Nó bè bè⁽⁶⁾ như cái quạt thóc⁽⁷⁾

Thầy sờ chân cãi:

– Ai bảo ! Nó sừng sững như cái cột đình.

Thầy sờ đuôi lại nói:

– Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tun tun⁽⁸⁾ như cái chổi sể⁽⁹⁾ cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho là mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.

(In trong Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 10, Truyện ngụ ngôn, Nguyễn Xuân Kính, NXB khoa học xã hội, Hà Nội 2003)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 61: Truyện *Thầy bói xem voi* thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện cổ tích

C. Truyện thuyết

D. Truyện cười

Câu 62: Truyện *Thầy bói xem voi* được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện

B. Lời của ông thầy bói

C. Lời của con voi

D. Lời của người quản voi

Câu 63: Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào những bộ phận nào của con voi?

A. Vòi, ngà, tai, chân, đuôi

B. Vòi, ngà, tai, chân, lưng

- C. Vòi, ngà, mắt, chân, lưng
- D. Tai, mắt, lưng, chân, đuôi

Câu 64: Các sự việc trong truyện *Thầy bói xem voi* diễn ra như thế nào?

A. Các thầy bói xem voi, các thầy bói phán về voi, hậu quả của việc xem và phán về voi

B. Các thầy bói xem voi, các thầy bói đoán sai về voi

C. Các thầy bói xem voi, các thầy bói tranh cãi với nhau về chuyện con voi có những bộ phận nào

D. Các thầy bói xem voi và bài học được các thầy bói rút ra sau khi xem voi.

Câu 65: Có gì khác thường trong cách xem voi của các thầy bói trong truyện *Thầy bói xem voi*?

A. Xem voi bằng tay, mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của con voi

B. Xem voi trong buổi ế hàng nên tâm trạng không vui

C. Xem voi bằng tay, sờ được hết các bộ phận của con voi

D. Phải bỏ tiền ra để xem con voi như thế nào nên tâm trạng không vui

Câu 66: Cho biết từ *cũng* trong câu văn :*Thầy nào cũng phán nà n không biết hình thù con voi nó thế nào*. Thuộc từ loại nào?

A. Phó từ

B. Danh từ

C. Động từ

D. Tính từ

Câu 67: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: *Tưởng con voi như thế nào, hoá ra nó sun sun⁽³⁾ như con đĩa*.

A. So sánh.

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

b) Thông hiểu

Câu 68. Thầy bói trong truyện ngụ ngôn *Thầy bói xem voi* tại sao lại cãi nhau?

A. Mỗi thầy xem chỉ một bộ phận của voi, nhưng đã khẳng định ý kiến của mình đúng

B. Va phải nhau nên cãi nhau

C. Tranh nhau xem bói

D. Không rõ lý do

Câu 69: Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào con voi thật nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

A. Không xem xét toàn diện mà chỉ dựa vào từng bộ phận để đưa ra nhận xét

B. Không xem xét voi bằng mắt mà xem bằng tay.

C. Xem xét các bộ phận của voi một cách hời hợt, phiến diện, không cụ thể

D. Xem xét một cách quá kĩ lưỡng từng bộ phận của voi.

Câu 70: Nguyên nhân sâu xa nào dẫn tới việc tranh cãi của năm ông thầy bói?

- A. Do không hiểu biết, xem xét phiến diện, qua loa, chủ quan
- B. Do các thầy không có chung ý kiến
- C. Do năm ông thầy bói đều cho rằng mình đúng
- D. Do các thầy không nhìn thấy.

Câu 71: Tại sao “Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào”?

- A. Từ trước đến giờ các thầy chưa nhìn thấy con voi
- B. Từ trước đến giờ các thầy bói chưa xem bói cho voi
- C. Các thầy bói đều có chung khuyết tật là bị mù
- D. Các thầy cho rằng voi là con vật chỉ có trong tưởng tượng

c) Vận dụng

Câu 72: Sau khi đọc *Thầy bói xem voi* em nhận thấy truyện phê phán điều gì?

- A. Phê phán những nhận xét, đánh giá không có cơ sở hoặc chưa có chứng cứ một cách xác đáng, nhìn nhận sự vật một cách phiến diện.
- B. Phê phán thái độ khinh thường người khác.
- C. Phê phán những việc làm vô bổ, không mang lại lợi ích cho bản thân cũng như người khác.
- D. Phê phán thái độ không dám đấu tranh chống cái xấu, cái tiêu cực.

Câu 73: Thông điệp nào đúng nhất sau khi đọc truyện *Thầy bói xem voi*?

- A. Muốn hiểu biết sự vật, sự việc nào đó một cách chính xác phải xem xét chúng một cách toàn diện.
- B. Luôn học hỏi để nâng cao hiểu biết của bản thân, nhằm tránh rơi vào tình trạng thầy bói xem voi.
- C. Không nên có tính ganh ghét lẫn nhau.
- D. Không nên dùng lời của những thầy bói để xem xét, đánh giá sự vật.

Câu 74: Sau khi đọc truyện “*Thầy bói xem voi*” em rút ra được bài học gì?

- A. Cần nhìn nhận sự việc một cách toàn diện, khách quan.
- B. Cần học tập chăm chỉ để mở rộng hiểu biết.
- C. Cần phải biết yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.
- D. Cần phải biết bảo vệ ý kiến của bản thân trong mọi hoàn cảnh.

Ngữ liệu 3

KIẾN VÀ CHÂU CHÁU

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhẩy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoải thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên

làm như vậy đi bạn châu châu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu châu mỉa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu châu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cẩn mẫn.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu châu xanh vì mãi chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.

(Truyện ngụ ngôn “Kiến và Châu châu” - trang 3-NXB thông tin)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 75. Truyện Kiến và Châu châu thuộc thể loại nào?

- A. **Truyện ngụ ngôn.**
- B. Truyện đồng thoại.
- C. Truyền thuyết.
- D. Thần thoại.

Câu 76. Truyện Kiến và Châu châu kể theo ngôi thứ mấy?

- A. **Ngôi kể thứ ba**
- B. Ngôi kể thứ hai
- C. Ngôi kể thứ nhất
- D. Ngôi kể thứ tư

Câu 77. Vào những ngày hè, chú Châu châu đã làm gì?

- A. **Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.**
- B. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.
- C. Càn cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.
- D. Giúp châu châu mẹ dọn dẹp nhà cửa.

Câu 78. Châu châu đã rủ Kiến làm gì cùng mình?

- A. **Trò chuyện và đi chơi thoải thích**
- B. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông
- C. Cùng nhau về nhà châu châu chơi
- D. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng

Câu 79: Từ **cũng** trong câu văn: *Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới*. Thuộc từ loại nào?

- A. **Phó từ**
- B. Danh từ
- C. Động từ
- D. Tính từ

Câu 80: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: *Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới.”*

- A. **Nhân hóa**

- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

b) Thông hiểu

Câu 81. Vì sao Kiến không đi chơi cùng châu chấu?

- A. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông
- B. Kiến không thích Châu chấu.
- C. Kiến không thích đi chơi
- D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

Câu 82: Vì sao châu chấu lại mỉa mai lời kiến nói?

- A. Vì châu chấu nghĩ rằng kiến lo xa nên chuẩn bị thức ăn từ mùa hè.
- B. Vì châu chấu cho rằng kiến tham ăn nên chuẩn bị thức ăn từ mùa hè
- C. Vì châu chấu nghĩ rằng kiến chọc cười mình
- D. Vì châu chấu nghĩ rằng kiến làm việc vô bổ

Câu 83. Châu chấu là những hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?

- A. Những người vô lo, lười biếng
- B. Những người chăm chỉ
- C. Những người biết lo xa
- D. Những người chỉ biết hưởng thụ

Câu 84. Vì sao Kiến lại có một mùa đông no đủ?

- A. Kiến chăm chỉ, biết lo xa
- B. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực
- C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực
- D. Được mùa ngô và lúa mì

Câu 85. Từ “**kiệt sức**” có nghĩa là gì?

- A. Không còn sức để làm
- B. Không có sức khỏe
- C. Yếu đuối
- D. Yếu ớt

Câu 86: Truyện cho thấy nhân vật Kiến biểu tượng cho kiểu người thế nào?

- A. Kiểu người lo xa, cần cù chăm chỉ
- B. Kiểu người chỉ biết hưởng thụ
- C. Kiểu người ham chơi, đua đòi
- D. Kiểu người yêu thương giúp đỡ bạn bè

c) Vận dụng

Câu 87. Nếu là Châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

- A. Sẽ cùng kiến đi Kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông
- B. Sẽ không đi cùng Kiến mà đi chơi cho thỏa thích

- C. Sẽ không quan tâm đến lời của Kiến
D. Đi cùng Kiến nhưng đi để ngắm cảnh
- Câu 88 . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?
- A. Luôn cần cù, chăm chỉ , nhìn xa ,trông rộng, không được ham chơi, lười biếng.
B. Luôn đi học đúng giờ và làm việc có trách nhiệm.
C. Luôn yêu thương và giúp đỡ bạn bè.
D. Luôn đoàn kết hết mình vì công việc.

BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG (NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Ý nghĩa văn chương	2	3	2	7
2	Ngữ liệu 2: Thời gian là vàng	3	4	1	8
3	Ngữ liệu 3: Về bài thơ ông đồ của Vũ Đình Liên	3	4	2	9
4	Ngữ liệu 4: Tại sao chân chày	4	4	2	10
Tổng		14	15	7	36

Ngữ liệu 1

Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

Hoài Thanh

Người ta kể chuyện đời xưa, một nhà thi sĩ Ấn Độ trông thấy một con chim bị thương rơi xuống bên chân mình. Thi sĩ thương hại quá, khóc nức lên, quả tim cùng hóa một nhịp với sự run rẩy của con chim sắp chết. Tiếng khóc ấy, dịp đau thương ấy chính là nguồn gốc của thi ca.

Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song không phải không có ý nghĩa. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

[...]

Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống. [...]

Vậy thì, hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống, nguồn gốc của văn chương đều là tình cảm, là lòng vị tha. Và vì thế, công dụng của văn chương cũng là giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha.

(Hoài Thanh, trong *Bình luận văn chương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI:

a) Nhận biết

Câu 89. Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?

- A. Lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài
- B. Cuộc sống lao động của con người
- C. Tình yêu lao động của con người
- D. Do lực lượng thần thánh tạo ra

Câu 90. Công dụng nào của văn chương được Hoài Thanh khẳng định trong đoạn trích trên?

- A. Văn chương giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha.
- B. Văn chương giúp cho người gần người hơn.
- C. Văn chương là loại hình giải trí của con người.
- D. Văn chương dự báo những điều xảy ra trong tương lai.

b) Thông hiểu

Câu 91. Từ “cốt yếu” trong câu “Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài” được Hoài Thanh dùng với ý nghĩa nào khi nói về nguồn gốc của văn chương?

- A. Cái chính, cái quan trọng nhất
- B. Tất cả
- C. Phần quan trọng
- D. Đa số

Câu 92. Tại sao Hoài Thanh nói: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng”?

A. Vì văn chương có nhiệm vụ phản ánh phong phú và đa dạng sự sống của con người và xã hội.

B. Vì cuộc sống trong văn chương chân thật hơn bất kì một loại hình nghệ thuật nào.

C. Vì nhiệm vụ của văn chương là phải ghi chép lại tất cả những gì ông ta nhìn thấy ngoài cuộc đời.

D. Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng

Câu 93. Quan niệm về văn chương nào sau đây có thể bổ sung cho quan niệm của Hoài Thanh để có một quan niệm đầy đủ về nguồn gốc của văn chương?

- A. Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.
- B. Văn chương bắt nguồn từ thế giới thần bí bên ngoài con người.
- C. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn biết trước tương lai của con người.
- D. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn tìm hiểu quá khứ của con người.

c) Vận dụng

Câu 94. “Vậy thì, hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống, nguồn gốc của văn chương đều là tình cảm, là lòng vị tha. Và vì thế, công dụng của văn chương cũng là giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha.” Cách hiểu nào dưới đây giải thích

hợp lý nhất ý kiến trên của Hoài Thanh về nét tương đồng giữa nguồn gốc và công dụng của văn chương?

A. Người viết đã sống với các nhân vật để rồi đọc xong tác phẩm, người đọc cảm nhận được, mang lòng vị tha ấy trở lại cuộc đời, làm cuộc đời tốt đẹp hơn.

B. Văn chương bắt nguồn từ cái đẹp và chỉ hướng tới cái đẹp cả trong nghệ thuật lẫn cuộc sống, phụng thờ cái đẹp để mà tồn tại.

C. Văn chương giúp chúng ta thấu hiểu được những cảnh đời cơ cực, chia sẻ khó khăn với người bất hạnh hơn ta.

D. Ý nghĩa của tác phẩm văn chương là ở chỗ giúp cho ta biết tha thứ cho người khác, nhất là những lỗi lầm ghê gớm, để ta bao dung hơn với đời.

Câu 95. Em đồng ý với ý kiến nào sau đây khi Hoài Thanh nói: “Văn chương sẽ là hình ảnh của cuộc sống muôn hình vạn trạng”?

A. Vì văn chương có nhiệm vụ phản ánh phong phú và đa dạng của con người và xã hội.

B. Vì cuộc sống trong văn chương chân thật hơn bất kì một loại hình nghệ thuật nào.

C. Vì nhiệm vụ của văn chương là phải ghi chép lại tất cả những gì ông ta nhìn thấy ngoài cuộc đời.

D. Vì văn chương bắt nguồn từ việc muốn tìm hiểu quá khứ của con người.

Ngữ liệu 2

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr 36-37)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 96: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

- A. Cho bản thân và xã hội
- B. Cho bản thân
- C. Cho xã hội
- D. Cho bản thân và gia đình

Câu 97: Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian?

- A. 5 giá trị
- B. 6 giá trị
- C. 7 giá trị
- D. 4 giá trị

b) Thông hiểu

Câu 98: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Quý trọng thời gian
- B. Yêu quý bản thân
- C. Yêu quý gia đình
- D. Quý trọng tiền bạc

Câu 99: “*Bữa đực, bữa cái*” trong văn bản có nghĩa là?

- A. Bữa học bữa nghỉ
- B. Học tập chăm chỉ,
- C. Kiên trì trong học tập
- D. Chịu khó học tập

Câu 100: Nội dung chính trong văn bản trên là gì?

- A. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người
- B. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người
- C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.
- D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất

Câu 101: Ý nào đúng khi nói về “*giá trị của thời gian là sự sống*” từ văn bản trên?

- A. Kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.
- B. Biết nắm thời cơ, mất thời cơ là thất bại.
- C. Sự sống con người là vô giá, phải biết trân trọng
- D. Phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

Câu 102: Em hiểu từ “*tri thức*” được sử dụng trong văn bản như thế nào?

A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.

D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

c) Vận dụng

Câu 103: Tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

A. Vì thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi qua là không trở lại.

B. Vì thời gian là vô tận

C. Vì vàng là vô giá

D. Vì Thời gian không quan trọng

Ngữ liệu 3

VỀ BÀI THƠ ÔNG ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN

Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: Nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đặc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màn mưa bụi khép lại đoạn thơ thật âm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này với đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người càng cho ta thấy cái thăng thốt, xót xa của sự biến thiên.

Có một khoảng thời gian trôi qua, khoảng trắng của đoạn thơ, trước khi vào bốn dòng kết:

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Hãy trở lại với dòng thơ đầu bài “Mỗi năm hoa đào nở” để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa. Ông đồ đã kiên nhẫn “vẫn ngồi đấy”, nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa: “Không thấy ông đồ xưa.”. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những người hiện đại chúng ta đã thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chơi vơi, nhưng chúng ta đã không làm gì, để đến bây giờ quay nhìn lại, mới biết ông bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi. Chúng ta hỏi nhau hay tự hỏi mình? Hỏi hay khấn khứa tưởng niệm, hay ân hận sám hối? Hai dòng thơ hàm súc nhất của bài, chúng ta đọc được ở đây số phận

của ông đồ và nhất là đọc được thái độ, tình cảm của cả một lớp người đối với những gì thuộc về dân tộc. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “những người muôn năm cũ”. “Muôn năm” thật ra chỉ vài ba năm, nhưng nói “muôn năm” mới đúng, thời ông đồ đã xa lắc rồi, đã lẫn vào những bút, những nghiên rất xa trong lịch sử. Chữ “muôn năm cũ” của dòng trên dội xuống chữ “bây giờ” của dòng dưới càng băng khuâng, luyến nhớ. Dòng thơ không phải nổi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

(Theo Vũ Quần Phương, Tác phẩm văn học 1930-1975, tập 1 NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 104: Xác định trạng ngữ trong câu văn “Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi.” là:

A. Đến bây giờ

B. Chúng ta

C. Mới thấy luyến tiếc

B. Nhưng quá muộn rồi

Câu 105: Câu nào có bằng chứng được người viết dẫn ra từ bài thơ?

A. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “ Những người muôn năm cũ”.

B. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

C. Dòng thơ không phải là nổi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

D. Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ.

b) Thông hiểu

Câu 106: Văn bản trên viết về vấn đề gì?

A. Viết về cái hay trong bài thơ ông đồ

B. Kể chuyện của ông đồ

C. Miêu tả hình ảnh ông đồ

D. Giới thiệu nhà thơ Vũ Đình Liên

Câu 107: Vì sao văn bản Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên nêu trên là văn bản nghị luận văn học?

A. Vì tác giả đã phân tích cái hay của bài thơ ông đồ

B. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh ông đồ

C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện về ông đồ viết chữ Nho

D. Vì văn bản giúp người đọc hiểu ông đồ là ai

Câu 108: Mục đích của người viết trong văn bản trên là gì?

A. Chỉ ra cái hay của bài thơ ông đồ

B. Ca ngợi những người viết chữ nho

C. Ca ngợi hình ảnh ông đồ viết chữ nho

D. Nêu lên tình cảnh buồn thảm của ông đồ

Câu 109: Người viết thể hiện rõ cảm xúc của mình về hình ảnh ông đồ ở câu nào?

A. Đến bây giờ chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.

B. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “ Những người muôn năm cũ”.

C. Hãy trở lại với dòng thơ đầu bài “Mỗi năm hoa đào nở” để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa.

D. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay.

Câu 110: Ý kiến khái quát của người viết về nội dung và nghệ thuật bài thơ “Ông đồ” được nêu ở câu nào?

A. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.

B. Ông đồ đã kiên nhẫn “văn ngồi đấy”, nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa...

C. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: “ Những người muôn năm cũ”.

D. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

c) Vận dụng

Câu 111: Khổ thơ: “ Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tày giấy đỏ

Bên phố đông người qua”. Gọi cho em nhưng suy nghĩ gì ?

A. Phong tục viết chữ đầu xuân, thời kì vàng son của những ông đồ xưa

B. Chỉ yên lặng ngồi bên phố của nhưng ông đồ

C. Tài năng của ông đồ bị lãng quên

D. Ý B và C đúng

Câu 112: Câu thơ cuối: “ Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?” thể hiện tâm tư gì của tác giả?

A. Nuối tiếc phong tục bị lụi tàn và cảm thương cho kiếp người bị bỏ rơi

B. Xót xa cho một nét phong tục đẹp của dân tộc đã hết thời.

C. Lo lắng cho số phận những ông đồ thời xưa

D. Thương cảm cho kiếp người đã hết thời

Ngữ liệu 4

TẠI SAO CHẦN CHỪ

Bạn không nên để thất bại ngăn mình tiến về phía trước. Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm. Thực tế những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. Họ có thể nghi ngờ phương pháp làm việc đã dẫn họ đến thất bại nhưng không bao giờ nghi ngờ khả năng của chính mình.

Tôi xin chia sẻ với các bạn về câu chuyện về những người đã tìm cách rút kinh nghiệm từ thất bại của mình để đạt được những thành quả to lớn trong cuộc đời. Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện. J.K.Rowling, tác giả của “Harry Potter”, đã bị hơn 10 nhà xuất bản từ chối bản thảo tập 1 của bộ sách. Giờ đây, bộ tiểu thuyết này của bà trở nên vô cùng nổi tiếng và đã được chuyển thể thành loạt phim rất ăn khách. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood. Thực tế bộ phim Hollywood đầu tay của anh, thất vọng lắm chứ, nhưng điều đó cũng đâu ngăn được anh vùng lên với những phim cực kì ăn khách sau đó như “Giờ cao điểm” hay “Hiệp sĩ Thượng Hải”.

Thất bại không phải là cái cớ để ta chần chừ. Ngược lại nó phải là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.

(Trích Tại sao lại chần chừ?, Teo Aik Cher,
Cao Xuân Việt Khương, An Bình dịch, NXB Hồ Chí Minh, 2016)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 113. Đoạn trích trên có liên tưởng đến nội dung câu tục ngữ nào?

- A. Thất bại là mẹ thành công
- B. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
- C. Chắc rề bền cây
- D. Cái khó ló cái khôn

Câu 114. Trong câu văn “Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood”, có mấy phó từ?

- A. Một phó từ
- B. Hai phó từ
- C. Ba phó từ
- D. Không có phó từ

Câu 115. Ý kiến về nhìn nhận thất bại tác giả đưa ra trong đoạn trích là gì?

- A. Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm.
- B. Hãy suy nghĩ về vấn đề đọc sách và rút ra kinh nghiệm.

- C. Hãy suy nghĩ về vấn đề tự học và rút ra kinh nghiệm.
- D. Hãy suy nghĩ về lòng dũng cảm và rút ra kinh nghiệm.

b) Thông hiểu

Câu 116. Vấn đề tác giả bàn luận trong đoạn trích trên là gì?

- A. Ứng xử trước thất bại
- B. Sức mạnh vươn lên
- C. Phương pháp làm việc
- D. Những người đã từng thất bại

Câu 117. Đoạn văn sau thuộc yếu tố nào trong phần trích trên “Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện. J.K.Rowling, tác giả của “Harry Potter”, đã bị hơn 10 nhà xuất bản từ chối bản thảo tập 1 của bộ sách. Giờ đây, bộ tiểu thuyết này của bà trở nên vô cùng nổi tiếng và đã được chuyển thể thành loạt phim rất ăn khách. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood. Thực tế bộ phim Hollywood đầu tay của anh, thất vọng lắm chứ, nhưng điều đó cũng đâu ngăn được anh vùng lên với những phim cực kì ăn khách sau đó như “Giờ cao điểm” hay “Hiệp sĩ Thượng Hải”.

- A. Bằng chứng.
- B. Ý kiến
- C. Lập luận.
- D. Lí lẽ

Câu 118. Tác giả trích dẫn câu chuyện của Thomas Edison, J.K.Rowling, Ngôi sao điện ảnh Thành Long có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh ý nghĩa tích cực của thất bại đối với thành công
- B. Nói về ngôi sao điện ảnh
- C. Nói về sự thành công
- D. Ca ngợi cuốn tiểu thuyết

Câu 119. “Suy nghĩ tích cực về thất bại” được nói đến trong đoạn trích có nghĩa là:

- A. Thất bại không phải là bước cản mà là động lực đi tới thành công
- B. Thất bại là bước cản tới thành công
- C. Thất bại là chìa khóa của thành công
- D. Muốn thành công phải trải qua thất bại

Câu 120. Theo tác giả, thực tế những người thành công họ luôn làm gì?

- A. Những người thành công luôn dùng thất bại như một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân
- B. Những người thành công luôn né tránh những công việc khó khăn
- C. Những người thành công luôn học hỏi kinh nghiệm từ người khác
- D. Những người thành công luôn có ý chí và nghị lực vươn lên

c) Vận dụng

Câu 121. Từ nội dung văn bản em rút ra bài học gì?

A. **Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại có ý thức học hỏi và rút ra kinh nghiệm**

B. Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện

C. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood.

D. Thất bại không phải là cái cớ để ta chần chừ

Câu 122: Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với em?

A. **Biết rút kinh nghiệm từ những lần thất bại để lần sau không phạm sai lầm**

B. Dễ dàng bỏ cuộc khi gặp khó khăn, thử thách

C. Thực tế chứng minh nhiều người thành công sau thất bại

D. Thất bại không phải là cái cớ để ta chần chừ

Bài 4. QUÀ TẶNG THIÊN NHIÊN (TẢN VĂN, TÙY BÚT)

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1 : Nỗi niềm với mẹ miền Trung	4	3	3	10
2	Ngữ liệu 2 : Mùa xuân của tôi	6	5	1	12
3	Ngữ liệu 3: Cánh diều tuổi thơ	6	4	3	13
4	Ngữ liệu 4: Hoa móng rồng	4	2	2	8
Tổng		20	14	9	43

Ngữ liệu 1

NỖI NIỀM VỚI MẸ MIỀN TRUNG

Nguyễn Ngọc Phú

(...) *Thương lắm mẹ miền Trung – mẹ tôi trong những ngày lũ lụt. Cái cột, cái kèo vẹo xiêu, cái thúng cái mủng nhẹ trôi chìm trong xoáy nước. Gia tài mẹ có gì nhiều nhận đâu, tất cả đã dồn vào cho đàn con, tất cả đều chỉ ở cây cối quanh trong vườn. Những dây bầu dây bí, những cây chanh cây bưởi những luống rau khóm hành và rộng ra hơn là những vạt lúa uốn câu đang đòng đòng bén sữa - Sữa mẹ hay sữa lúa? Gia tài mẹ có gì đâu là mớ tép riu là con cá bóng quẩy đuôi lách chách búng vào chiều lạnh để ăn cái đậm đà phù sa chân ruộng. Mẹ bòn mót chặt lọc để bữa cơm có thêm tiếng xuyết xoa hôi hôi nóng của bát canh rau tập tàng, để được mời lên đặt xuống. Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bên bi leo từng*

ngắn thân cau giờ như ngắn lút, ngắn của bàng hoàng, ngắn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện từng, bện lữ bện cả bao món nợ chất chồng. Chạn bếp, chạn gỗ có cao được thêm nữa đâu. Mái tranh ngấm mưa thì đã mục, mái ngói ngấm nước thì đã bục. Và mái trời đâu chỉ còn chỗ che mà xé toang mái rách, mà rạch đêm sấm chớp. Chỉ còn lại mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người là muôn đời muôn thuở bền chặt...

(Nguyễn Ngọc Phú, *Nỗi niềm với mẹ miền Trung*,
Báo Văn nghệ Hà Tĩnh, ngày 29/10/2020)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 123: Tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình với đối tượng nào?

- A. Mẹ
- B. Bà
- C. Chị gái
- D. Ba

Câu 124: Trong các từ sau đây, đâu là từ dùng chỉ thực phẩm làm món ăn?

- A. Tép riu
- B. Mái tranh
- C. Cái mủng
- D. Sợi dây trầu

Câu 125: Người mẹ miền Trung trong đoạn trích được nhắc đến vào thời điểm nào?

- A. Những ngày lũ lụt
- C. Những ngày nắng oi ả
- B. Những ngày bình yên
- D. Những ngày bão tố

Câu 126: Trong văn bản có cái tôi của người viết thể hiện đặc trưng của thể loại nào?

- A. Tùy bút
- B. Nghị luận
- C. Thuyết minh
- D. Truyện

b) Thông hiểu

Câu 127: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Mẹ tôi trong những ngày lũ lụt
- B. Mẹ dọn nhà trong ngày mưa lũ
- C. Mẹ lo bữa ăn trong ngày mưa lũ
- D. Mẹ lo sập nhà khi mưa lũ

Câu 128: Từ “mái” trong cụm từ “mái ấm cuộc đời, mái ấm tình người” được hiểu như thế nào?

- A. Dùng để chỉ tình yêu thương, sự ấm áp
- B. Phần che phủ phía trên cùng của ngôi nhà.
- C. Thuộc giống cái, phân biệt với trống.
- D. Dụng cụ dùng để bơi thuyền, bằng gỗ, một đầu tròn, một đầu dẹp và rộng bản.

Câu 129. Em hiểu gì về hoàn cảnh của mẹ qua câu văn: “Gia tài của mẹ có gì đâu, là sợi dây trầu bền bỉ leo từng ngấn thân cau giờ như ngấn lụt, ngấn của bàng hoàng, ngấn riết vào ký ức trí nhớ như vân gỗ thân cây xoắn vào nhau bện từng, bện lũ bện cả bao món nợ chất chồng.”?

- A. Nghèo khó, gian khổ, phải đối diện với khó khăn, vất vả.
- B. Sóng gió, bấp bênh, không nơi nương tựa.
- C. Đáng thương, tội nghiệp.
- D. Đau khổ, bi kịch.

c) Vận dụng

Câu 130: Thông qua văn bản, tác giả đã thể hiện tình cảm và sự trân trọng nào với “mẹ miền Trung”?

- A. Tự hào, lòng biết ơn sâu sắc cho những hi sinh, vất vả, cực nhọc của mẹ miền Trung.
- B. Thương mẹ miền Trung dọn nhà khi lũ đến.
- C. Thương mẹ miền Trung thu hoạch mùa bội thu.
- D. Vui mừng khi có bữa cơm thịnh soạn

Câu 131: Qua nội dung của văn bản em hiểu thêm được gì về cuộc sống cũng như người dân miền Trung?

- A. Ngợi ca sự chịu khó và đoàn kết, ấm áp tình người của những người dân miền Trung.
- B. Là mảnh đất luôn phải đối mặt với sự khắc nghiệt của nắng gió, thiên tai.

C. Trận bão lũ đi qua để lại cho mẹ miền Trung những nỗi đau và mất mát lớn

D. Cảm thông và thương xót cho những đứa con của mẹ miền Trung

Câu 132: Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến qua văn bản là:

A. Tình cảm ấm áp của người mẹ miền Trung

B. Cảnh chạy lũ của người miền Trung

C. Sự siêng năng của người miền Trung

D. Sự nghèo khổ của người miền Trung

Ngữ liệu 2

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống.

Ấy đây, cái mùa xuân thần thánh của tôi làm cho người ta muốn phát điên lên như thế ấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không

chịu được, phải trôi ra thành những cái lá nhỏ li ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, dường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 133. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong phần trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

Câu 134. Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc.

B. Miền Trung.

C. Miền Nam.

D. Tây Nguyên.

Câu 135: Trong câu văn : “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng” cụm từ “ rằm tháng giêng” là tháng mấy trong năm?

A. Tháng một

B. Tháng hai

C. Tháng mười hai

D. Tháng ba

Câu 136. Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Sau rằm tháng giêng.

B. Vào ngày mừng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

D. Trước rằm tháng giêng.

Câu 137: Theo tác giả bài *Mùa xuân của tôi*, có điều gì thay đổi trong sinh hoạt của mọi người sau ngày rằm tháng giêng?

A. Khi thịt mỡ dưa hành đã hết, mọi người bắt đầu trở về với những bữa cơm giản dị thường ngày.

B. Mọi người nô nức đi trải hội xuân.

C. Mọi người cùng lên chùa cầu chúc những điều may mắn trong năm mới.

D. Sau kì nghỉ tết, mọi người trở lại công sở và bắt đầu những ngày làm việc bận rộn.

Câu 138. Dòng nào sau đây nêu đúng vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc mà tác giả đã thể hiện trong đoạn trích?

A. Mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh.

B. Lạnh lẽo và u buồn.

C. Tươi tắn và sôi động.

D. Không gian trong sáng và ấm áp.

b) Thông hiểu

Câu 139. Trong câu văn: “Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong” từ “phong” có nghĩa là gì?

A. Bọc kín.

B. Oai phong.

C. Con gió.

D. Đẹp đẽ.

Câu 140. Từ “ơi” trong “mùa xuân ơi” dùng để làm gì?

A. Dùng để gọi

B. Chỉ không gian

C. Dùng để hỏi

D. Dùng chỉ con vật

Câu 141. Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hân [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

Câu 142. Câu nào không nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Lại nức một mùi hương man mác.

c) Vận dụng

Câu 143: Qua nội dung đoạn trích tác giả đã bộc lộ trực tiếp tình cảm của mình về mùa xuân như thế nào?

A. Ca ngợi vẻ đẹp của mùa xuân thân yêu. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.

B. Yêu sự ần ắp của mùa xuân Hà Nội

C. Gió đông về báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu

D. Sau kì nghỉ tết, mọi người bắt đầu với công việc bận rộn

Ngữ liệu 3

CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ

Tạ Duy Anh

“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay

xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!”. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.”

(Cánh điều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 144: Trò chơi thả điều đem lại cho trẻ em những niềm vui lớn nào?

- A. Các bạn hò hét nhau thả điều thi, vui sướng đến phát dại nhìn lên trời.
- B. Tiếng sáo điều bay đi mang theo nỗi khát khao của chúng tôi.
- C. Tiếng sáo điều khiến cái gì đó cứ cháy lên mãi tâm hồn chúng tôi.
- D. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi.

Câu 145: Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng hò hét nhau chơi trò gì?

- A. Chơi thả điều thi.
- B. Chơi trốn tìm.
- C. Chơi bịt mắt bắt dê.
- D. Chơi đánh trận giả.

Câu 146: Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

- A. Cánh điều
- B. Dòng sông
- C. Cánh đồng
- D. Cánh cò

Câu 147: Tác giả miêu tả cánh điều như thế nào?

- A. Cánh điều mềm mại như cánh bướm
- B. Cánh điều vi vu trầm bổng
- C. Cánh điều đẹp như thảm nhung
- D. Cánh điều bay cao trên bầu trời

Câu 148: Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?

A. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi.

- B. Cánh điều mềm mại như cánh bướm
- C. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng.
- D. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 149: Trong câu “Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ” có cụm từ “một thảm nhung khổng lồ” thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ
- B. Cụm động từ
- C. Cụm tính từ
- D. Không phải là cụm từ loại

b) Thông hiểu

Câu 150: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ*”, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

- A. Khát vọng
- B. Nghị lực
- C. Niềm vui
- D. Sức mạnh

Câu 151: Câu " Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!”. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.” cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào?

- A. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ
- B. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối
- C. Trẻ em hay dễ ảo tưởng
- D. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé

Câu 152: Nội dung của văn bản trên là gì?

- A. Nói lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.
- B. Nói vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
- C. Nói lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ
- D. Nói hình ảnh xuyên suốt văn bản

Câu 153: “Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi “Mục đồng” muốn nhắc đến đối tượng nào ?

- A. Trẻ chăn trâu, bò
- B. Trẻ làm việc đồng áng giúp đỡ gia đình
- C. Trẻ em lang thang, cơ nhỡ
- D. Trẻ em mồ côi cha mẹ

c) Vận dụng

Câu 154: Qua trò chơi thả diều tác giả đã cảm nhận được thái độ, tình cảm của những đứa trẻ qua việc thi thả diều của tuổi thơ.

A. Niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều mang lại cho đám trẻ mục đồng khi các em lắng nghe tiếng sáo diều, ngắm những cánh diều bay lơ lửng trên bầu trời.

B. Cánh diều mang theo những ước vọng xa xăm, được đặt chân tới khám phá những vùng đất mới của đám trẻ mục đồng.

C. Cánh diều chất chứa những suy tư nỗi buồn của đám trẻ mục đồng già dặn trước tuổi.

D. Nỗi băn khoăn, lo lắng về cuộc sống mưu sinh của đám trẻ mục đồng mỗi khi nhìn theo cánh diều tuổi thơ.

Câu 155: Em đồng ý với ý kiến nào khi chúng ta có ước mơ trong cuộc sống?

A. Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng .

B. Ước mơ thấy bà tiên, thấy người nhẹ nhõm bớt ưu phiền

C. Ước mơ được đi thả diều để mỗi chiều chiều cười vui vẻ

D. Ước mơ tạo cho con người niềm đam mê trong cuộc sống

Câu 156: Qua các câu mở bài và kết bài, tác giả muốn nói điều gì về cánh diều tuổi thơ?

A. Cánh diều khơi gợi những mơ ước đẹp cho tuổi thơ.

B. Cánh diều là kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ.

C. Cánh diều đem đến bao niềm vui cho tuổi thơ.

D. Cánh diều mang theo hình bóng những người thân yêu.

Ngữ liệu 4

HOA MÓNG RỒNG

Lam Hồng

Tháng tư lại về với nắng mới vàng tươi rực rỡ. Khắp phố phường, sắc xanh non mỡ màng của lá bàng, lá sấu, bằng lăng làm bừng sáng cả không gian. Chầm chậm đạp xe trên phố, chợt thoảng thơm trong gió một làn hương ngọt ngào, khiến lòng nôn nao khó tả. Ghé vào gánh hàng hoa của bà lão ngồi dưới tán bàng đầu con phố nhỏ, tôi nhận ra ngay những bông móng rồng đầu mùa vàng rộm nổi bật trên nền xanh mướt của lá chuối tươi. Bà lão mỉm cười hồn hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trù mến.

Mỗi mùa hoa là một lần bà nội tôi phải ngồi phân xử đúng sai cho bọn trẻ, bởi đứa thì bảo hoa móng rồng thơm mùi chuối tiêu trướng cuốc, đứa lại bảo thơm mùi mít chín. Tôi thì đứng ngay dưới gốc cây, nhắm tịt cả hai mắt lại hít lấy hít để rồi bảo giống mùi vani của thứ bánh kẹo trên phố tôi đã từng ăn. Cuộc tranh cãi chỉ đến hồi kết thúc khi bà sai chúng tôi vin những cành cây mềm mại rủ xuống, nhẹ nhàng hái hoa cho vào rổ.

[...] Bao năm rồi, bà tôi giờ không còn nữa. Hoa móng rồng vẫn nở thơm vườn nhà mỗi độ giao mùa. Chúng tôi ngày càng xa quê nhưng màu hoa ấy, làn hương ấy luôn là một phần thấm sâu trong nỗi nhớ quê hương. Để mỗi tháng tư về, tôi lại tìm đến gánh hàng của bà lão vừa từ làng hoa bên kia sông qua chuyến đò sớm sang phố, mang chút hồn quê thảo thơm đến với mọi người.

(Lam Hồng, Hoa móng rồng, <http://www.baonamdinh.vn/ngày> 15/4/015)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

Câu 157. Nhân vật tôi đã cảm nhận như thế nào về mùi hương của hoa móng rồng?

A. Mùi vani của thứ bánh kẹo trên phố

B. Mùi chuối tiêu trứng cuốc

C. Mùi mít chín

D. Mùi hương ngọt ngào

Câu 158. Tác giả đang nhắc đến mùi thơm của loại hoa nào là chủ yếu trong đoạn trích?

A. Hoa móng rồng

B. Hoa bằng lăng

C. Mùi chuối tiêu

D. Mùi mít chín

Câu 159. Trong câu văn: “Hoa móng rồng vẫn nở thơm vườn nhà mỗi độ giao mùa.” có những phó từ nào?

A. Vẫn, mỗi

B. Vẫn, nở

C. Mỗi, mùa

D. Vẫn, thơm

Câu 160. Khi đạp xe trên phố điều gì khiến người viết thấy lòng nôn nao khó tả?

A. Thấy thoảng thơm trong gió một làn hương ngọt ngào

B. Không gian có nắng mới vàng tươi rực rỡ

C. Vẻ đẹp của sắc xanh non của lá bàng, lá sấu, bằng lăng

D. Cảm thấy vui vẻ khi đất nước yên bình.

b) Thông hiểu

Câu 161. Bà lão mỉm cười hồn hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trù mến. Từ hồn hậu trong câu trên có nghĩa:

A. Nhân hậu, hiền từ

B. Hiền lành, tốt bụng

C. Thuần hậu, ôn hoà

D. Thật thà, tốt bụng

Câu 162. Nội dung đoạn trích được tổ chức theo trình tự nào sau đây?

A. Theo mạch cảm xúc

B. Từ quá khứ đến hiện tại

C. Từ hiện tại ngược về quá khứ

D. Tự lập luận theo mạch suy luận

c) Vận dụng

Câu 163. Cảm xúc của nhân vật “tôi” khi tìm đến với gánh hàng của bà lão là:

A. Mang chút hồn quê thảo thơm đến với mọi người

B. Nhẹ nhàng hái hoa cho vào giỏ.

C. Ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe
 D. Ghé vào gánh hàng hoa của bà lão ngồi dưới tán bàng đầu con phố nhỏ
 Câu 164: Hoa là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Mỗi loài hoa có một tiếng nói riêng, thông điệp riêng. Vậy hoa móng rồng trong ngữ liệu tác giả muốn gửi tới điều gì?

- A. Nhớ quê hương
 B. Nhớ những chuyến đi
 C. Nhớ bà lão bán hoa
 D. Nhớ trò chơi trẻ con

BÀI 5.

TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN (VĂN BẢN THÔNG TIN)

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1 : Phương pháp đọc nhanh	7	2	2	11
2	Ngữ liệu 2 : Họ nhà Kim	6	5	1	12
3	Ngữ liệu 3: Cách làm đồ chơi “em bé đá” bằng quả khô	4	5	2	11
4	Ngữ liệu 4: Trò chơi ngày xuân	3	5	1	9
Tổng		20	17	6	43

Ngữ liệu 1

PHƯƠNG PHÁP ĐỌC NHANH

[...]Có nhiều cách đọc khác nhau: cách đọc thành tiếng và cách đọc thầm. Đọc thành tiếng là từ các chữ ta đọc thành vần, nhiều vần thành từ, nhiều từ thành câu và khi đọc lại phải phát âm.

Có hai phương pháp đọc thầm quan trọng nhất, đó là phương pháp đọc theo dòng và phương pháp đọc ý.

Với phương pháp thứ nhất, các từ được tiếp nhận như một chuỗi liên tục các dòng. Đó là cách đọc của nhiều người với tốc độ đạt từ 150-200 từ/ phút.

Với cách đọc thứ hai, người đọc không đọc theo từng câu mà thu nhận ý. Họ đọc ý chung chứa trong bài viết qua các từ chủ yếu (từ chủ đề, từ chìa khóa). Đây là phương pháp tiên tiến nhất vì nó cho phép ta thu nhận thông tin cần thiết chứa trong một đoạn văn, một trang sách, lọc bỏ những thông tin không cần thiết.

Cách đọc này gọi là đọc nhanh, tức là đọc toàn bộ khối từ, vì người đọc nắm vững nó, chỉ cần một cái nhìn đã bao trùm lên 6,7 dòng, và đôi khi cả trang và như thế thu nhận thông tin nhiều mà tốn ít thời gian.

Những người nắm vững cách đọc nhanh không đọc theo đường ngang mà mắt họ luôn luôn chuyển động theo đường dọc từ trên xuống dưới. Với cách đọc này, cơ mắt ít mỏi. Cách đọc nhanh này không giống kiểu đọc đường chéo góc hay kiểu đọc các dòng đầu của một đoạn văn. Với cách đọc mới, ta nhìn toàn bộ thông tin chứa trong sách, đọc toàn bộ bài viết và tiếp thu toàn bộ nội dung. Phương pháp này ai cũng học được nhưng phải tập trung cao, có ý chí.
(Theo *Lịch văn hóa tổng hợp 1987-1990*, SGK Ngữ văn 8, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.27)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 165: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản thông tin

B. Tùy bút

C. Truyện ngắn

D. Văn bản nghị luận

Câu 166: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Cung cấp thông tin về cách đọc sách.

B. Cung cấp thông tin về cách chọn sách.

C. Cung cấp thông tin về cách tìm hiểu sách.

D. Cung cấp thông tin về cách thực hành theo sách.

Câu 167: Thông tin cơ bản của văn bản trên là thông tin nào?

A. Phương pháp đọc sách

B. Phương pháp ghi chép

C. Phương pháp thảo luận

D. Phương pháp trình bày

Câu 168: Xác định trạng ngữ trong câu: “*Với cách đọc thứ hai, người đọc không đọc theo từng câu mà thu nhận ý*”.

A. Với cách đọc thứ hai

B. Thu nhận ý

C. Không đọc theo từng câu

D. Người đọc

Câu 169: Theo văn bản, phương pháp đọc theo dòng được hiểu như thế nào?

A. Các từ được tiếp nhận như một chuỗi liên tục các dòng.

B. Các ý được sắp xếp theo một chuỗi nhất định.

C. Các dòng được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.

D. Các từ và ý được sắp xếp theo một chuỗi liên tục.

Câu 170: Theo văn bản, phương pháp đọc theo ý được hiểu như thế nào?

A. Đọc ý chung chứa trong bài viết qua các từ chủ yếu (từ chủ đề, từ chìa khóa).

- B. Đọc ý tổng thể chứa trong bài viết theo một trình tự hợp lí.
- C. Đọc ý riêng lẻ chứa trong bài viết theo một trình tự hợp lí.
- D. Đọc ý chung chứa trong bài viết qua các câu chủ yếu (từ chủ đề, từ chìa khóa).

Câu 171: Theo văn bản trên, thể nào là đọc nhanh?

- A. Không đọc theo từng câu mà thu nhận ý, đọc toàn bộ khối từ.
- B. Đọc thành vắn, nhiều vắn thành từ, nhiều từ thành câu.
- C. Không đọc theo từng câu mà thu nhận ý.
- D. Đọc theo sở thích, nhu cầu và điều kiện cá nhân.

b) Thông hiểu

Câu 172: Phương pháp đọc nhanh mang lại ý nghĩa gì?

- A. Nhìn toàn bộ thông tin, đọc toàn bộ bài viết và tiếp thu toàn bộ nội dung.
- B. Tạo hứng thú và niềm vui cho người đọc.
- C. Tiếp thu thông tin nhanh và chính xác nhất.
- D. Tạo nên một chuỗi các sự kiện liên tục, không gián đoạn.

Câu 176: Cách triển khai các thông tin trên sắp xếp theo trật tự nào?

- A. Phân loại đối tượng
- B. Nhân quả
- C. Tương phản
- D. Thời gian

c) Vận dụng

Câu 173: Để nắm toàn bộ thông tin chứa trong sách và nắm toàn bộ nội dung bài viết ta nên sử dụng phương pháp đọc nào?

- A. Đọc nhanh, đọc theo ý.
- B. Đọc chậm, đọc theo dòng.
- C. Đọc thầm, đọc theo ý.
- D. Đọc to, đọc lướt qua.

Câu 174: Muốn phương pháp đọc nhanh có hiệu quả, chúng ta cần phải làm gì?

- A. Khi đọc, cần có ý chí và tập trung cao.
- B. Tranh thủ mọi thời gian để đọc sách.
- C. Đọc nhiều loại sách khác nhau.
- D. Luyện đọc mọi lúc, mọi nơi.

Ngữ liệu 2

HỌ NHÀ KIM

Trong các dụng cụ của con người, có lẽ chúng tôi thuộc loại bé nhất. Tuy bé nhưng nhà ai cũng cần đến. Các bạn có biết chúng tôi là ai không? Chúng tôi là cái kim khâu, bằng kim loại, bề ngang độ nửa mi-li-mét, bề dài khoảng hai, ba xăng-ti-mét, một đầu nhọn, một đầu tù, có lỗ tròn để khâu chỉ. Kim phải cứng mới dùng được. Khi đứt cục, sút chỉ, thế nào cũng phải có tôi thì mới xong.

Tôi có từ lúc nào, không rõ lắm, nhưng chắc chắn là từ rất xưa. Từ khi con người biết trồng bông dệt vải may áo, chắc là phải cần đến kim để khâu áo. Làm ra cây kim lúc đầu hẳn là rất khó khăn, cho nên bây giờ mới có câu tục ngữ *Có công mài sắt, có ngày nên kim*.

Họ nhà Kim chúng tôi rất đông. Ngoài kim khâu vải may áo, còn có loại kim dùng để khâu thừa, lại có kim khâu trong phẫu thuật, kim khâu giày, kim đóng sách,... Công dụng của kim là đưa chỉ mềm luồn qua các vật dày, mỏng để kết chúng lại. Thiếu chúng tôi thì nhiều ngành sản xuất gặp khó khăn đấy! Nghe nói từ cuối thế kỉ XVIII, một người Anh đã sáng chế ra máy khâu, nhưng máy khâu vẫn phải có kim thì mới khâu được!

Cùng họ Kim chúng tôi còn có cây kim châm cứu. Nó bé mà dài, làm bằng bạc, dùng để châm vào huyết nhằm chữa bệnh. Những cây kim của ông Nguyễn Tài Thu đã nổi tiếng thế giới!

Họ Kim lại còn có kim tiêm. Vẫn thân hình nhỏ bé, cứng cáp, có đầu nhọn, nhưng trong ruột lại rỗng, kim tiêm dùng để đưa thuốc chữa bệnh vào trong cơ thể con người. Khi ốm nặng, cần tiêm mà không có kim tiêm sạch thì nguy!

Chúng tôi bé thật đấy, nhưng không tầm thường chút nào! Chúng tôi làm được những việc mà những kẻ to xác không làm được. Như vậy có phải là rất đáng tự hào không?

(Văn Hùng, SGK Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.16)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 175: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

- A. Văn bản thông tin
- B. Hồi kí
- C. Văn bản nghị luận
- D. Tiểu thuyết

Câu 176: Đây là đặc điểm chung của kim?

- A. Bé, dài, sắc, nhọn.
- B. Bé, dệt, sắc, nhọn.
- C. Bé, sắc, ngắn, mềm.
- D. Bé, mỏng, sắc, dẻo.

Câu 177: Xác định chủ ngữ trong câu sau: “*Nó bé mà dài, làm bằng bạc, dùng để châm vào huyết nhằm chữa bệnh.*”

- A. Nó
- B. Nó bé
- C. Bạc
- D. Bằng bạc

Câu 178: Xác định trạng ngữ trong câu : “*Khi ốm nặng, cần tiêm mà không có kim tiêm sạch thì nguy!*”

A. Khi ốm nặng

B. Khi ốm

C. Cần tiêm

D. Cần tiêm mà không có.

Câu 179: Thuật ngữ *xăng-ti-mét* biểu thị khái niệm gì?

A. Đơn vị đo độ dài, chiều cao.

B. Đơn vị đo thể tích.

C. Đơn vị đo áp suất.

D. Đơn vị đo trọng lực.

b) Thông hiểu

Câu 170: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Cung cấp thông tin về các loại kim phục vụ đời sống.

B. Cung cấp thông tin về kim khâu ý tế.

C. Cung cấp thông tin về kim đóng sách.

D. Cung cấp thông tin về kim may mặc

Câu 181: Việc phân chia các loại kim khác nhau có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?

A. Làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ tác dụng của các loại kim.

B. Làm cơ sở để người đọc dễ nắm nội dung văn bản.

C. Làm cơ sở để hướng dẫn con người cách sử dụng.

D. Làm cơ sở để người viết triển khai các ý chính.

Câu 182: Cách hiểu nào đúng với câu tục ngữ “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*” được hiểu như thế nào?

A. Sự kiên trì, chăm chỉ sẽ dẫn đến thành công.

B. Sự nhẫn nại, nhường nhịn sẽ dẫn đến thành công.

C. Sự chia sẻ, yêu thương sẽ dẫn đến thành công.

D. Sự đoàn kết, hợp tác sẽ dẫn đến thành công.

Câu 183: Dấu chấm lửng trong câu: “*Ngoài kim khâu vải may áo, còn có loại kim dùng để khâu thùa, lại có kim khâu trong phẫu thuật, kim khâu giày, kim đóng sách,...*” có tác dụng gì?

A. Biểu đạt ý còn nhiều các các loại kim chưa liệt kê hết.

B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

D. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Câu 184: Cách triển khai các thông tin trên sắp xếp theo trật tự nào?

A. Phân loại đối tượng.

B. Nhân quả.

C. Tương phản.

D. Thời gian.

Câu 185: Vì sao cây kim của ông Nguyễn Tài Thu nổi tiếng thế giới?

A. Kỹ thuật châm cứu và châm tê cai nghiện ma túy.

B. Kỹ thuật châm tê chữa các bệnh về cột sống.

C. Kỹ thuật châm cứu xuyên theo các huyết đạo.

D. Kỹ thuật châm tê điều trị HIV/AIDS.

c) Vận dụng

Câu 186: Văn bản trên giúp em có những lưu ý gì khi dùng kim trong đời sống?

A. Dùng kim sạch, bảo quản cẩn thận, an toàn.

B. Dùng kim thích hợp cho từng đối tượng khác nhau.

C. Chỉ dùng duy nhất một lần cho mỗi công việc.

D. Tái sử dụng kim để tránh lãng phí.

Ngữ liệu 3

CÁCH LÀM ĐỒ CHƠI “EM BÉ ĐÁ BÓNG” BẰNG QUẢ KHÔ

(1) Nguyên vật liệu:

- Quả thông;
- Các loại hạt: nhãn, vải;
- Cành cây khô;
- Miếng gỗ nhỏ, tấm tre, keo dán và một số phụ liệu khác.

(2) Cách làm:

- Lấy một quả thông (hình thon hơi dài) để làm thân em bé và đục một lỗ nhỏ ở đầu cuống quả thông đó.

- Lấy một hạt vải để làm đầu em bé, đục một lỗ nhỏ ở một đầu hạt vải; vẽ mắt, mũi, miệng vào người hạt vải. Sau đó dùng tấm tre chắc, dài 2,5 cm cắm vào lỗ vừa đục ở hạt vải và quả thông (gắn đầu vào thân sao cho chắc); phía trên đỉnh đầu, dùng miếng vải nhỏ cuộn làm thành cái mũ cho em bé.

- Lấy cành cây nhỏ có hình dạng cánh tay, dùng keo gắn hai cành cây này vào phía trên quả thông làm thành hai cánh tay em bé. Lấy hai hạt nhãn nhỏ, đục một lỗ nhỏ trên mỗi hạt nhãn và cắm vào mỗi cánh tay một hạt nhãn để làm bàn tay.

- Lấy hai cánh cây nhỏ khác để làm chân (hai cành cây này dài hơn hai cành cây làm cánh tay). Sau đó, dùng keo gắn hai cành cây này vào phía dưới quả thông (gắn một chân đứng thẳng, một chân co); lấy hai miếng gỗ nhỏ hình chữ nhật, đục một lỗ vào một phía của miếng gỗ, cắm mỗi chân vào một miếng gỗ để làm bàn chân; phía trên miếng gỗ ở chân co gắn một hạt nhãn to để làm quả bóng.

- Sau đó, gắn hình em bé đá bóng lên một miếng ván (gắn bàn chân của chân đứng thẳng vào miếng ván) để em bé đứng chắc chắn trên mặt phẳng.

(3) Yêu cầu thành phẩm:

Các phần thân, đầu và tay chân con người phải có tỉ lệ phù hợp, lại phải ghép các bộ phận sao cho cầu thủ có dáng tăng bóng sinh động thì mới đẹp.
(Theo *Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ*, SGK Ngữ văn 8, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.24,25)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 187: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản thông tin

B. Tùy bút

C. Văn bản nghị luận

D. Truyện ngắn

Câu 188: Thông tin cơ bản trong văn bản được tóm lược qua các chi tiết nào?

A. Đề mục, tiêu mục

B. Sơ đồ, bảng biểu

C. Số liệu, hình ảnh

D. Chi tiết phi ngôn ngữ

Câu 189: Xác định phó từ trong câu văn sau: “*Lấy hai hạt nhãn nhỏ, dùi một lỗ nhỏ trên mỗi hạt nhãn và cắm vào mỗi cánh tay một hạt nhãn để làm bàn tay.*”

A. mỗi

B. Hai

C. Một

D. Nhỏ

b) Thông hiểu

Câu 190: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Giới thiệu cách làm một đồ chơi truyền thống.

B. Giới thiệu một trò chơi truyền thống.

C. Giới thiệu một đồ chơi truyền thống.

D. Giới thiệu cách làm một trò chơi truyền thống.

Câu 191: Việc phân chia các đề mục có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?

A. Giúp người đọc hiểu được cách thực hiện làm một đồ chơi.

B. Giúp người đọc dễ nắm bắt nội dung của văn bản.

C. Giúp người đọc hiểu được ý nghĩa và tác dụng của một đồ chơi truyền thống.

D. Giúp người đọc dễ thực hiện hơn khi làm các đồ chơi truyền thống.

Câu 192: Đề mục *Cách làm* được chia ra các bước và đánh dấu bằng gạch đầu dòng có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?

A. Giúp người đọc hiểu và thực hành cách làm đồ chơi theo một trình tự hợp lí.

- B. Giúp người đọc dễ thực hiện hơn khi làm các đồ chơi truyền thống.
- C. Giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của văn bản.
- D. Giúp người đọc hiểu được ý nghĩa và tác dụng của một đồ chơi truyền thống.

Câu 193: Cách giải nghĩa nào đúng đối với từ “thành phẩm”?

A. Sản phẩm đã làm xong.

B. Sản phẩm đang làm.

C. Sản phẩm sắp làm.

D. Sản phẩm sẽ làm.

Câu 194: Để đồ chơi em bé đá bóng đẹp và sinh động, thành phẩm cần chú ý đến chi tiết nào?

A. Một chân đứng thẳng, một chân co.

B. Hai chân co.

C. Một chân đứng thẳng.

D. Một chân co.

c) Vận dụng

Câu 195: Để thực hiện làm một đồ chơi dân gian, chúng ta thường chọn những nguyên vật liệu như thế nào?

A. Vật liệu từ cây, lá, quả thiên nhiên.

B. Vật liệu bằng gốm, sứ, thạch anh.

C. Vật liệu bằng sắt, thép, kim loại.

D. Vật liệu bằng nhựa.

Câu 196: Đồ chơi truyền thống có những ưu điểm nào so với đồ chơi điện tử?

A. An toàn, tiết kiệm, thân thiện với môi trường.

B. Gọn, nhẹ, bền, ít tốn kém.

C. Đẹp, chắc, có giá trị kinh tế cao.

D. Nhỏ, gọn, dễ sử dụng.

Ngữ liệu 4

TRÒ CHƠI NGÀY XUÂN

[...] Múa lân có từ lâu đời và rất thịnh hành ở các tỉnh phía nam. Múa lân diễn ra vào những ngày Tết để chúc năm mới an khang, thịnh vượng. Các đoàn lân có khi đông tới trăm người, họ là thành viên của một câu lạc bộ hay một lò võ trong vùng. Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các họa tiết đẹp. Múa lân rất sôi động với các động tác khỏe khoắn, bài bản: lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột,... Bên cạnh có ông Địa vui nhộn chạy quanh. Thông thường múa lân còn kèm theo cả biểu diễn võ thuật.

Một trò chơi truyền thống được phổ biến trong các lễ hội là kéo co, được tổ chức ở sân đình hay bãi cỏ rộng giữa làng. Những người tham gia chia làm hai phe, đứng thành một hàng đối nhau, cùng nắm sợi dây thừng, dây chảo hay một cây sào

tre hoặc người đứng sau ôm lưng người đứng trước, còn hai người đứng đầu hàng của hai phe thì nắm tay nhau cho chắc, lấy đầu vạch vôi ở giữa làm mốc được, thua. Bên nào kéo được đối phương sang qua vạch mốc về phía mình là bên đó thắng. Kéo co thu hút nhiều người, tạo không khí hào hứng, sôi động, rèn luyện sức khỏe, tính kỉ luật, ý thức tập thể ở mỗi người. Chính vì vậy, kéo co được đông đảo thanh niên, thiếu niên ưa thích.

[...]

Hoạt động đua thuyền thể hiện sinh hoạt văn hóa sông nước cổ truyền của người Việt Nam trải dài từ các tỉnh phía bắc đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm vui chơi, giải trí, rèn sức và kĩ năng chèo thuyền để cúng thủy thần hoặc tưởng nhớ các anh hùng giỏi thủy chiến... Tùy theo từng nơi, mỗi thuyền đua có khoảng chừng chục tay bơi là nam giới đại diện các phường, xóm, làng. Sau hiệu lệnh, những con thuyền lao vun vút trong tiếng hò reo cổ vũ và chiêng, trống rộn rã đôi bờ sông.

(Theo Hồng Việt, báo *Nhân dân*, số Xuân Nhâm Ngọ, 2002; SGK Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.27,28)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 297: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản thông tin

B. Tùy bút

C. Văn bản nghị luận

D. Truyện ngắn

Câu 298: Xác định trạng ngữ trong câu: “*Sau hiệu lệnh, những con thuyền lao vun vút trong tiếng hò reo cổ vũ và chiêng, trống rộn rã đôi bờ sông.*”

A. Sau hiệu lệnh

B. Những con thuyền

C. Tiếng hò reo

D. Đôi bờ sông

Câu 299: Trò chơi dân gian nào sau đây với mỗi đội chơi chỉ duy nhất có một người?

A. Oẳn tù tì

B. Kéo co

C. Bịt mắt bắt dê

D. Cờ người

b) Thông hiểu

Câu 200: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Giới thiệu các trò chơi truyền thống.

B. Giới thiệu các đồ chơi truyền thống.

- C. Giới thiệu các hoạt động truyền thống.
- D. Giới thiệu các nét tiêu biểu của truyền thống.

Câu 201: Việc miêu tả cụ thể số lượng người chơi, luật chơi, cách tính thắng thua có tác dụng gì trong việc tổ chức các trò chơi.

- A. Giúp người đọc hiểu được quy luật chơi một trò chơi dân gian.
- B. Giúp người đọc dễ nắm bắt nội dung của văn bản.
- C. Giúp người đọc hiểu được ý nghĩa của trò chơi dân gian.
- D. Giúp người đọc biết cách giữ gìn và phát huy trò chơi dân gian.

Câu 202: Cách triển khai các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo trật tự nào?

- A. Phân loại.
- B. Nhân quả.
- C. Tương phản.
- D. Thời gian.

Câu 203: Dấu chấm lửng trong câu: “Múa lân rất sôi động với các động tác khỏe khoắn, bài bản: lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột, ...” có tác dụng gì?

- A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.
- B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.
- C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.
- D. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ

biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Câu 204: Điểm chung của các trò chơi dân gian trên thể hiện tính chất gì?

- A. Tập thể, đoàn kết
- B. Riêng biệt, cá nhân
- C. Kiên trì, bền bỉ
- D. Siêng năng, sáng tạo

c) Vận dụng

Câu 205: Để giữ gìn và phát huy văn hóa trò chơi dân gian, chúng ta cần phải làm gì?

- A. Suu tầm, nghiên cứu và tổ chức các trò chơi dân gian trong các dịp lễ, tết.
- B. Vẽ tranh thể hiện một trò chơi dân gian.
- C. Xem video về các trò chơi dân gian.
- D. Thay thế các trò chơi dân gian bằng các trò chơi mới, hiện đại hơn.

BÀI 6. HÀNH TRÌNH TRI THỨC (NGHỊ LUẬN XÃ HỘI) MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1 : Cần tạo ra thói quen tốt	7	3	2	12

	trong đời sống xã hội				
2	Ngữ liệu 2 : Lợi ích của việc đọc sách	7	4	1	12
3	Ngữ liệu 3: Không sợ sai lầm	5	3	2	10
4	Ngữ liệu 4: Lòng khiêm tốn	5	4	2	11
Tổng		24	14	7	45

Ngữ liệu 1

CẦN TẠO RA THÓI QUEN TỐT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách,...là thói quen tốt.

Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn vì thói quen hút thuốc lá, nên cũng có thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, cả trong phòng khách lịch sự, sạch bong. Người biết lịch sự thì còn sửa một chút bằng cách xin chủ nhà cho mượn cái gạt tàn.

Một thói quen xấu ta thường gặp hằng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường,...Thói quen này thành tệ nạn...Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác...Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.

Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.

Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

(Theo Băng Sơn, *Giao tiếp đời thường*, SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.9,10)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 206: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Tản văn

C. Truyện ngắn

D. Văn bản thông tin

Câu 207: Chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện trong văn bản trên.

A. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.

B. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một nhân vật trong tác phẩm.

C. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một đạo lí cần bàn luận.

D. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một tác phẩm văn học.

Câu 208: Để làm sáng tỏ ý kiến trên, người viết đã đưa ra bằng chứng nào để thuyết phục?

A. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường.

B. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.

C. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

D. Có thói quen tốt và thói quen xấu.

Câu 209: Câu văn nào thể hiện rõ ý kiến xây dựng nếp sống tốt đẹp của người viết?

A. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

B. Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu.

C. Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác.

D. Có thói quen tốt và thói quen xấu.

Câu 210: Xác định chủ ngữ trong câu sau: “*Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.*”

A. trẻ em, cụ già

B. trẻ em

C. cụ già

D. Vì thế

Câu 211: Đây là những thói quen tốt được tác giả chỉ ra trong văn bản?

A. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách,...

B. Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác...

C. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường,...

D. Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường.

Câu 212: Xác định phép liên kết được sử dụng trong các câu văn sau: “*Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.*”

A. Phép nối

B. Phép lặp

C. Phép thế

D. Phép liên tưởng

b) Thông hiểu

Câu 213: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

- A. **Thuyết phục người đọc cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống.**
- B. Thuyết phục người đọc cần biết phân biệt thói quen tốt và xấu.
- C. Thuyết phục người đọc cần tránh xa những thói quen xấu.
- D. Thuyết phục người đọc cần biết cách ứng xử trong đời sống.

Câu 214: Xác định mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên?

- A. **Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.**
- B. Ý kiến, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
- C. Ý kiến, lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
- D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự tiếp nhận của người

đọc.

Câu 215: Dấu chấm lửng trong câu: “*Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách, ...*” có tác dụng gì?

- A. **Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.**
- B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.
- C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.
- D. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ

biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

c) Vận dụng

Câu 216: Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

- A. **Cần tạo ra các thói quen tốt trong đời sống.**
- B. Cần nhận ra các thói quen xấu trong đời sống.
- C. Cần nhận ra các thói quen tốt trong đời sống.
- D. Cần nhận ra các ứng xử tốt trong đời sống.

Câu 217: Để tạo được thói quen tốt trong đời sống, bản thân em cần phải làm gì?

- A. **Đọc sách, ăn uống khoa học, làm việc có kế hoạch.**
- B. Chơi đùa, ca hát, vui chơi thỏa thích.
- C. Xem phim, nghe nhạc, chơi game online.
- D. Cáu giận, mất trật tự, hút thuốc lá.

Ngữ liệu 2

LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐỌC SÁCH

Để thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, trí tuệ, không gì thay thế được việc đọc sách.

Cuốn sách tốt là người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hằng ngày.

Sách mở mang trí tuệ, hiểu biết cho ta, dẫn dắt ta vào những chỗ sâu sắc, bí ẩn của thế giới xung quanh, từ sông ngòi, rừng núi cho tới vũ trụ bao la. Sách đưa

ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà, hoặc cực nhỏ, như thế giới của các hạt vật chất.

Sách đưa ta vượt qua thời gian, tìm về với những biến cố lịch sử xa xưa hoặc chấp cánh cho ta tưởng tượng tới ngày mai, hoặc hiểu sâu hơn hiện tại.

Sách văn học đưa ta vào thế giới của những tâm hồn người đủ các thời đại để ta thông cảm với những cuộc đời, chia sẻ những niềm vui, nỗi đau dân tộc và nhân loại.

Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn trong cuộc đời bận rộn, bươn chải. Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp của thế giới và con người. Sách cho ta hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, giúp ta biết nghĩ những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.

Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi con người. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý.

(Theo Thành Mĩ, SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.23,24)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 218: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Tản văn

C. Tùy bút

D. Văn bản thông tin

Câu 219: Chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện trong văn bản trên.

A. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.

B. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một nhân vật trong tác phẩm.

C. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một đạo lí cần bàn luận.

D. Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với một tác phẩm văn học.

Câu 220: Câu văn nào thể hiện rõ ý kiến của người viết?

A. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý.

B. Cuốn sách tốt là người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hằng ngày.

C. Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi con người.

D. Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp của thế giới và con người.

Câu 221: Để làm sáng tỏ ý kiến, người viết đã đưa ra bằng chứng nào để thuyết phục?

A. Sách đưa ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà, hoặc cực nhỏ, như thế giới của các hạt vật chất.

B. Cuốn sách tốt là người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hằng ngày.

C. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý.

D. Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi con người.

Câu 222: Xác định chủ ngữ trong câu sau: “*Cuốn sách tốt là người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hằng ngày.*”

A. Cuốn sách tốt

B. Cuốn sách

C. người bạn

D. Cuốn sách tốt là người bạn

Câu 223: Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau: “*Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn trong cuộc đời bận rộn, bươn chải. Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp của thế giới và con người. Sách cho ta hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, giúp ta biết nghĩ những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.*”

A. Phép lặp

B. Phép nối

C. Phép thế

D. Phép liên tưởng

Câu 224: Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”?

A. M.Go-rơ-ki

B. Sô-lô-khốp

C. O Hen-ri

D. Ta-go

b) Thông hiểu

Câu 225: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Thuyết phục người đọc cần chọn sách tốt, sách hay để đọc.

B. Thuyết phục người đọc cần biết lựa chọn các loại sách phù hợp.

C. Thuyết phục người đọc cần biết chọn sách khoa học để đọc.

D. Thuyết phục người đọc cần biết chọn sách văn học để đọc.

Câu 226: Biện pháp so sánh trong câu văn: “*Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi con người*” có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh giá trị, tầm quan trọng của sách đối với con người.

B. Nhấn mạnh vẻ đẹp, tầm quan trọng của sách đối với con người.

C. Nhấn mạnh hình thức, ý nghĩa của sách đối với con người.

D. Nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa của sách đối với con người.

Câu 227: Việc chỉ ra tác dụng của sách ở các khía cạnh khác nhau có ý nghĩa như thế nào trong việc trình bày ý kiến của người viết?

A. Giúp cho việc trình bày lí lẽ, bằng chứng trở nên thuyết phục hơn.

B. Giúp cho bài viết hay và hấp dẫn hơn.

C. Giúp cho người đọc dễ nắm bắt nội dung bài viết.

D. Giúp cho bài viết trở nên rõ ràng hơn.

Câu 228: Sách đưa ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà, hoặc cực nhỏ, như thế giới của các hạt vật chất. Từ “thiên hà” trong câu trên có nghĩa

A. là hệ thống lớn gồm các thiên thể và vật chất liên kết thành một khối.

B. là sản phẩm của thế giới vật chất và tự nhiên.

C. là hệ thống nhỏ gồm các thiên thể và vật chất liên kết thành một khối.

D. là một chuỗi các hệ thống lớn gồm các thiên thể và vật chất liên kết thành một khối.

c) Vận dụng

Câu 229: Loại sách nào giúp ta hiểu vẻ đẹp ngôn từ, lời hay, ý đẹp và hoàn thiện nhân cách bản thân?

A. Sách văn học.

B. Sách khoa học.

C. Sách tham khảo.

D. Sách thường thức.

Ngữ liệu 3

KHÔNG SỢ SAI LẦM

Bạn ơi, nếu bạn muốn sống một đời mà không phạm chút sai lầm nào, làm gì được này, thì đó hoặc là bạn ảo tưởng, hoặc là bạn hèn nhát trước cuộc đời.

Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại, làm gì cũng sợ sai lầm là một người sợ hãi thực tế, trốn tránh thực tế, và suốt đời không bao giờ có thể tự lập được. Bạn sợ sặc nước thì bạn không biết bơi; bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ! Một người mà không chịu mất gì thì sẽ không được gì. Sai lầm cũng có hai mặt. Tuy nó đem lại tổn thất, nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời.

Khi tiến bước vào tương lai, bạn làm sao tránh được sai lầm? Nếu bạn sợ sai thì bạn chẳng dám làm gì. Người khác bảo bạn sai chưa chắc bạn đã sai, vì tiêu chuẩn đúng sai khác nhau. Lúc đó bạn chớ ngừng tay, mà cứ tiếp tục làm, dù cho có gặp trắc trở. Thất bại là mẹ thành công.

Tất nhiên bạn không phải là người liều lĩnh, mù quáng, cố ý mà phạm sai lầm. Chẳng ai thích sai lầm cả. Có người phạm sai lầm thì chán nản. Có kẻ sai lầm rồi thì tiếp tục sai lầm thêm. Nhưng có người biết suy nghĩ, rút kinh nghiệm, tìm con đường khác để tiến lên.

Những người sáng suốt dám làm, không sợ sai lầm, mới là người làm chủ số phận của mình.

(Theo Hồng Diễm, SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.43)

CÂU HỎI CÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 230: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Tản văn

C. Tùy bút

D. Văn bản thông tin

Câu 231: Để làm sáng tỏ ý kiến trên, người viết đã đưa ra bằng chứng nào để thuyết phục?

A. Bạn sợ sặc nước thì bạn không biết bơi; bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ!

B. Sai lầm cũng có hai mặt.

C. Có người phạm sai lầm thì chán nản.

D. Một người mà không chịu mất gì thì sẽ không được gì.

Câu 232: Xác định mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên?

A. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

B. Ý kiến, bằng chứng được trình bày hấp dẫn, sinh động.

C. Ý kiến, lí lẽ được trình bày hấp dẫn, sinh động.

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một khuôn mẫu nhất định.

Câu 233: Xác định phó từ trong câu sau: “*Tuy nó đem lại tổn thất, nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời.*”

A. cũng

B. nhưng

C. tuy

D. đến

Câu 234: Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau: “*Chẳng ai thích sai lầm cả. Có người phạm sai lầm thì chán nản. Có kẻ sai lầm rồi thì tiếp tục sai lầm thêm.*”

A. Phép lặp

B. Phép nối

C. Phép thế

D. Phép liên tưởng

b) Thông hiểu

Câu 235: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Thuyết phục người đọc không sợ sai lầm, rút kinh nghiệm và tiếp tục tìm con đường khác để tiến lên.

B. Thuyết phục người đọc cần thận trọng với những sai lầm mà mình có thể gặp phải.

C. Thuyết phục người đọc cần biết khắc phục và sửa chữa sai lầm của bản thân.

D. Thuyết phục người đọc không sợ sai lầm, coi sai lầm là những việc nhỏ nhất.

Câu 236: Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Không sợ sai lầm.
- B. Không ngại sai lầm.
- C. Không biết sai lầm.
- D. Không bỏ qua sai lầm.

Câu 237: Thành ngữ “Thất bại là mẹ thành công” trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

- A. Thất bại là nền tảng, là động lực tạo nên thành công.
- B. Thất bại là kết quả, là mục đích tạo nên thành công.
- C. Thất bại là cơ hội, là yếu tố tạo nên thành công.
- D. Thất bại là nguyên nhân, là yếu tố tạo nên thành công.

c) Vận dụng

Câu 238: Em có đồng tình với ý kiến “*Những người sáng suốt dám làm, không sợ sai lầm, mới là người làm chủ số phận của mình*”? Vì sao?

- A. Đồng tình. Vì không sợ sai lầm bạn mới tiếp tục làm và đi đến thành công.
- B. Không đồng tình. Vì thành công phụ thuộc nhiều vào yếu tố may mắn.
- C. Không đồng tình. Vì thành công phụ thuộc nhiều vào tài năng bẩm sinh.
- D. Đồng tình. Vì không sợ sai lầm bạn mới biết cách vượt qua.

Câu 239: Để có thái độ lạc quan trước sai lầm và bước tới thành công, chúng ta cần phải làm gì?

- A. Bình tĩnh, rút kinh nghiệm, tiếp tục tiến lên.
- B. Bình tĩnh, tự tin, chiến thắng.
- C. Chán nản, buông xuôi, tuyệt vọng.
- D. Lo lắng, sợ hãi, tìm cách thoái lui.

Ngữ liệu 4

LÒNG KHIÊM TỐN

Lòng khiêm tốn có thể được coi là một bản tính căn bản cho con người trong nghệ thuật xử thế và đối đãi với sự vật.

Điều quan trọng của khiêm tốn là chính nó đã tự nâng cao giá trị cá nhân của con người trong xã hội. Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, biết sống theo thời và biết nhìn xa. Con người khiêm tốn bao giờ cũng là người thường thành công trong lĩnh vực giao tiếp với mọi người.

Vậy khiêm tốn là gì? Khiêm tốn là tính nhã nhặn, biết sống một cách nhún nhường, luôn luôn hướng về phía tiến bộ, tự khép mình vào những khuôn thước của cuộc đời, bao giờ cũng không ngừng học hỏi. Hoài bão lớn nhất của con người

là tiến mãi không ngừng, nhưng không nhằm mục đích tự khoe khoang, tự đề cao cá nhân mình trước người khác.

Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên con đường đời.

(Theo Lâm Ngữ Đường, *Tinh hoa xử thế*)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 240: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Truyện ngắn

C. Tùy bút

D. Văn bản thông tin

Câu 241: Câu văn nào thể hiện rõ ý kiến về lòng khiêm tốn của người viết?

A. Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

B. Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la.

C. Khiêm tốn là tính nhã nhặn, biết sống một cách nhún nhường, luôn luôn hướng về phía tiến bộ, tự khép mình vào những khuôn thước của cuộc đời, bao giờ cũng không ngừng học hỏi.

D. Lòng khiêm tốn có thể được coi là một bản tính căn bản cho con người trong nghệ thuật xử thế và đối đãi với sự vật.

Câu 242: Chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện trong văn bản trên.

A. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

B. Lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

C. Ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo theo khuôn mẫu nhất định.

Câu 243: Xác định số từ trong câu : “*Lòng khiêm tốn có thể được coi là một bản tính cần bản cho con người trong nghệ thuật xử thế và đối đãi với sự vật.*”

A. một

B. được

C. và

D. với

Câu 244: Xác định chủ ngữ trong câu sau: “*Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa.*”

A. Người có tính khiêm tốn

B. mình

C. phấn đấu thêm

D. Người

b) Thông hiểu

Câu 245: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?

A. Thuyết phục người đọc cần phải khiêm tốn để thành công trên đường đời.

B. Thuyết phục người đọc cần phải khiêm tốn để được mọi người yêu quý.

C. Thuyết phục người đọc cần phải khiêm tốn để người khác nêu gương.

D. Thuyết phục người đọc cần phải khiêm tốn để vững chãi trên đường đời.

Câu 246: Để làm rõ bản chất của khiêm tốn, tác giả đã giải thích như thế nào?

A. Khiêm tốn là tính nhã nhặn, biết sống một cách nhún nhường, luôn luôn hướng về phía tiến bộ, tự khếp mình vào những khuôn thước của cuộc đời, bao giờ cũng không ngừng học hỏi.

B. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

C. Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa.

D. Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, biết sống theo thời và biết nhìn xa.

Câu 247: Biện pháp so sánh trong câu : “*Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la*” có tác dụng gì?

A. Con người cần phải khiêm tốn, vì hiểu biết của chúng ta là có giới hạn.

B. Con người cần phải khiêm tốn, vì hiểu biết của chúng ta chỉ là những giọt nước.

C. Con người cần phải khiêm tốn, vì cuộc đời là những cuộc đấu tranh bất tận.

D. Con người cần phải khiêm tốn, vì ai cũng muốn dễ dàng đi đến thành công.

Câu 248: Biểu hiện nào sau đây thể hiện tính khiêm tốn?

A. Xem thành công của mình là bình thường, không đáng kể.

B. Ca tụng chiến công của mình.

C. Tự mãn với kết quả mình đạt được.

D. Chấp nhận thành công trong hoàn cảnh hiện tại.

c) Vận dụng

Câu 249: Phẩm chất khiêm tốn thể hiện qua câu thành ngữ nào sau đây?

A. Biết người biết ta trăm trận trăm thắng.

B. Đầu xuôi đuôi lọt.

C. Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

D. Đứng núi này trông núi nọ.

Câu 250: Để phát huy tính khiêm tốn mỗi người cần phải làm gì?

A. Luôn trau dồi, học hỏi, phấn đấu nhiều thêm.

B. Chấp nhận thành công ở hiện tại.

C. Luôn nhường nhịn trong mọi hoàn cảnh.

D. Bằng lòng với những gì mình có.

BÀI 7. TRÍ TUỆ DÂN GIAN (TỤC NGŨ)

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1. Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết.	7	5	3	15
2	Ngữ liệu 2. Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất.	8	5	2	15
3	Ngữ liệu 3. Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội.	5	2	2	9
TS	Tục ngữ	20	12	7	39

Ngữ liệu 1

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT

1. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.
2. Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.
3. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
4. Rét tháng ba bà già chết cồng.
5. Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.
6. Én bay thấp mưa ngập bờ ao, én bay cao mưa rào lại tạnh.
- 7.Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.
8. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.
9. Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối.
10. Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 251: Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học viết.
- C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp.
- D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Câu 252: Dấu hiệu nào giúp em nhận biết các câu trên là tục ngữ?

- A. Các câu trên đều thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về những hiện tượng thiên nhiên.
- B. Câu ngắn gọn, khó hiểu.
- C. Có hình ảnh phong phú.
- D. Dài dòng, khó hiểu.

Câu 253: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: “Trời nắng chóng ..., trời mưa chóng ...”.

- A. trưa, tối.
- B. tối, ... sáng.
- C. mưa, ... hạn.
- D. trưa, ... sáng.

Câu 254: Câu tục ngữ “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm” có mấy vế?

- A. Ba vế.
- B. Bốn vế.
- C. Một vế.

D. Hai vế.

Câu 255. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: “Ếch ... uôm uôm, ao ... đầy nước”.

A. kêu...chuôm.

B. bò, ... chuôm.

C. nhảy, ... chuôm.

D. kêu, ... chuông.

Câu 256: Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ trên là gì?

A. Ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, có vần điệu.

B. Ngắn gọn nhưng quá khó hiểu.

C. Rất khó sử dụng trong giao tiếp hằng ngày.

D. Dài dòng, khó hiểu.

Câu 257: Các câu tục ngữ trong bài học “Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết” được hiểu theo nghĩa nào?

A. Nghĩa đen.

B. Nghĩa bóng.

C. Cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

D. Tùy theo từng trường hợp.

b) Thông hiểu

Câu 258: Câu nào trái nghĩa với câu tục ngữ “Rét tháng ba bà già chết cồng” ?

A. Bao giờ cho đến tháng ba,

Hoa gạo rụng xuống bà già cát chẵn.

B. Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

C. Mưa tháng ba hoa đất,

Mưa tháng tư hư đất.

D. Bao giờ cho đến tháng ba,

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng.

Câu 259: Câu tục ngữ: "Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt" diễn tả điều gì?

A. Tháng bảy (ở miền Bắc) hề nhìn thấy kiến bò hàng đàn lên tường là dự báo sắp có mưa to, lũ lớn xảy ra.

B. Tháng bảy có kiến bò thì hết lo lũ lụt.

C. Người dân lo sợ mưa to lũ lụt.

D. Tháng bảy kiến bò, là có nắng to.

Câu 260: Ý nghĩa của câu tục ngữ “Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa” là:

A. Nếu bầu trời quang đãng, nhiều sao thì trời hôm sau sẽ có nắng, còn trời nhiều mây, vắng sao hôm sau sẽ có mưa.

B. Nếu trời nhiều sao thì hôm đó sẽ nắng, ít sao hôm đó sẽ mưa.

C. Trời nhiều hay ít sao sẽ gây ra thời tiết nắng và mưa.

D. Trời nhiều hay ít sao đều không ảnh hưởng đến thời tiết.

Câu 261: Nội dung những câu tục ngữ về thiên nhiên nói về điều gì ?

A. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên.

B. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.

C. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

D. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên.

Câu 262: Đây là cách hiểu đúng của câu tục ngữ “Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối”?

A. Trời nắng ráo người ta có cảm giác như ở giữa ban ngày (buổi trưa), trời mưa thì cảnh vật u ám gây cảm giác trời nhanh về chiều, chóng tối.

B. Trên một tấc đất, ta có thể kiếm được một tấc vàng.

C. Tấc đất được làm bằng vàng.

D. Dân gian xây dựng câu này quá ngắn nên không rõ ý.

c) Vận dụng

Câu 263: Các câu tục ngữ trên đây có thể giúp gì cho con người trong cuộc sống?

A. Dự báo về tình hình thời tiết trong mỗi thời kỳ khác nhau, giải thích các hiện tượng đang xảy ra một cách chi tiết, cụ thể nhất.

B. Dự báo về tình hình thời tiết trong mỗi thời kỳ khác nhau.

C. Giải thích các hiện tượng đang xảy ra một cách chi tiết, cụ thể nhất.

D. Dự báo về tình hình thời tiết, cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống.

Câu 264: Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và ca dao ?

A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, thiên về lí trí, nhằm nêu lên những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình, thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người.

B. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, câu đơn giản nhất cũng phải là một cặp lục bát (6/8).

C. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm của con người.

D. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, là những câu nói dài dòng.

Câu 265: Thiên nhiên tác động như thế nào đến cuộc sống của chúng ta?

A. Là nơi cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất sinh hoạt của con người.

B. Thiên nhiên chỉ để phục vụ về tình cảm của con người.

C. Thiên nhiên chỉ quyết định đến kinh tế của con người.

D. Thiên nhiên không ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Ngữ liệu 2

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

1. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống
2. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa
3. Tắc đất, tắc vàng.
4. Bao giờ đơm đóm bay ra
Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng
5. Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền.
6. Trồng khoai đất lạ, trồng lúa đất quen.
7. Lợn ăn xong lợn nằm lợn béo, lợn ăn xong lợn réo lợn gầy.
8. Lúa chiêm lấp ló đầu bờ,
Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên
9. Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,
Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 266: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: “Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội)”.

- A. Dân gian,... kinh nghiệm
- B. Nhân gian, ... kinh nghiệm.
- C. Dân gian, ... túi khôn
- D. Dân gian, ... trí khôn.

Câu 267: Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học viết.
- C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp.
- D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ.

Câu 268: Những câu tục ngữ đồng nghĩa là những câu tục ngữ như thế nào?

- A. Có ý nghĩa gần giống nhau hoặc giống nhau hoàn toàn.
- B. Có ý nghĩa trái ngược nhau.
- C. Có ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.
- D. Tùy theo từng trường hợp.

Câu 269: Câu tục ngữ “Bao giờ đơm đóm bay ra, / Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng” gồm có mấy vế?

- A. Ba vế.
- B. Một vế.

- C. Hai vé.
- D. Bốn vé.

Câu 270: Câu “Giàu đâu những kẻ ngủ trưa, sang đâu những kẻ say sưa tối ngày” gồm có mấy vé?

- A. Hai vé.**
- B. Một vé.
- C. Ba vé.
- D. Bốn vé.

Câu 271: Dòng nào không phải là đặc điểm về hình thức của câu tục ngữ?

- A. Lập luận chặt chẽ giàu hình ảnh.**
- B. Ngắn gọn.
- C. Thường có vần, nhất là vần chân .
- D. Các vế thường đối xứng nhau cả về hình thức và nội dung.

Câu 272: Các câu tục ngữ về lao động sản xuất được hiểu theo nghĩa nào ?

- A. Nghĩa đen.**
- B. Nghĩa bóng.
- C. Cả nghĩa đen và nghĩa bóng.
- D. Tùy theo từng trường hợp.

Câu 273: Câu “Lợn ăn xong lợn nằm lợn béo, lợn ăn xong lợn réo lợn gầy” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Điệp ngữ.**
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Chơi chữ.

b) Thông hiểu

Câu 274: Nội dung những câu tục ngữ về lao động sản xuất nói về điều gì ?

- A. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong lao động sản xuất.**
- B. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên.
- C. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.
- D. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người

Câu 275: Những kinh nghiệm được đúc kết trong các câu tục ngữ về lao động sản xuất có ý nghĩa gì?

A. Là bài học dân gian về khí tượng, là hành trang, “túi khôn” của nhân dân lao động, giúp cho họ chủ động dự đoán thời tiết và nâng cao năng suất lao động.

B. Giúp nhân dân lao động chủ động đoán biết được cuộc sống và tương lai của mình.

C. Giúp nhân dân lao động có một cuộc sống vui vẻ, nhàn hạ và sung sướng hơn.

D. Giúp nhân dân lao động sống lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống và công việc của mình.

Câu 276: Câu tục ngữ: "Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền" chỉ điều gì?

- A. Thứ nhất đào ao (nuôi cá), thứ nhì làm vườn, thứ ba làm ruộng.
- B. Thứ nhất làm ruộng, thứ nhì làm vườn, thứ ba đào ao (nuôi cá)
- C. Thứ nhất đào ao (nuôi cá), thứ nhì làm ruộng, thứ ba làm vườn.
- D. Thứ nhất làm ruộng, thứ nhì đào ao (nuôi cá), thứ ba làm vườn.

Câu 277: Trường hợp nào cần bị phê phán trong việc sử dụng câu tục ngữ “Tắc đất, tấc vàng” ?

- A. Cỗ vũ mọi người khai thác các nguồn lợi từ đất một cách bừa bãi.
- B. Phê phán hiện tượng lãng phí đất.
- C. Đề cao giá trị của đất ở một vùng đất được ưu đãi về thời tiết, địa hình nên dễ trồng trọt, làm ăn.
- D. Kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và bảo vệ đất.

Câu 278: Các câu tục ngữ sau thuộc nhóm chủ đề nào?

- Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.
- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

- A. Lao động.
- B. Tình thương.
- C. Đạo đức.
- D. Tình nghĩa

c) Vận dụng

Câu 279: Qua các câu tục ngữ trên, người xưa muốn khẳng định điều gì?

- A. Khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu lao động sản xuất, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người.
- B. Khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu lao động sản xuất.
- C. Khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người.
- D. Kinh nghiệm về con người và xã hội.

Câu 280: Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và thành ngữ?

- A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, xúc tích, thành ngữ là những cụm từ cố định.
- B. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn thành ngữ là những câu cố định.
- C. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn thành ngữ nói đến tư tưởng tình cảm của con người.
- D. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn thành ngữ là những câu cố định.

Ngữ liệu 3

NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

1. Phép vua thua lệ làng.

2. Đất có lề, quê có thói.
3. Người giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn.
4. Đói cho sạch, rách cho thơm.
5. Cái răng cái tóc là góc con người.
6. Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.
7. Uống nước nhớ nguồn
8. Không thầy đố mày làm nên
9. Một mặt người bằng mười mặt của.
10. Có công mài sắt, có ngày nên kim.

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 281: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: “Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội)”.

- A. Dân gian,... kinh nghiệm
- B. Nhân gian, ... kinh nghiệm.
- C. Dân gian, ... túi khôn
- D. Dân gian, ... trí khôn.

Câu 282: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau: “Chức năng chủ yếu của tục ngữ là đúc rút kinh nghiệm nên tục ngữ còn được gọi là.....dân gian, cuốn sách bách khoa dân gian, một loại.....mang tính triết lí dân gian.”

- A. Túi khôn,... khoa học
- B. Túi khôn, ... văn học.
- C. Trí khôn, ... triết học
- D. Trí khôn, ... khoa học.

Câu 283: Tục ngữ là một thể loại bộ phận văn học nào?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học viết.
- C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp.
- D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Câu 284: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” có mấy vế?

- A. Hai vế.
- B. Một vế.
- C. Ba vế.
- D. Bốn vế.

Câu 285: Câu “Có công mài sắt, có ngày nên kim” sử dụng biện pháp tu từ nào ?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Chơi chữ.

b) Thông hiểu

Câu 286: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?

- A. Giấy rách phải giữ lấy lề.
- B. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.
- C. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh.
- D. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

Câu 287: Trong các câu tục ngữ sau, câu nào có ý nghĩa trái ngược với câu “ Uống nước nhớ nguồn”?

- A. Ăn cháo đá bát.
- B. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- C. Uống nước nhớ kẻ đào giếng.
- D. Ăn gạo nhớ kẻ đơm xay giần sàng.

c) Vận dụng

Câu 288: Dưới hình thức nhận xét, khuyên nhủ, tục ngữ về con người và xã hội truyền đạt rất nhiều bài học bổ ích về cách:

- A. Nhìn nhận giá trị con người, trong cách học, cách sống và cách ứng xử hằng ngày.
- B. Nhìn nhận các quan hệ giữa con người với giới tự nhiên.
- C. Nhận biết các hiện tượng thời tiết.
- D. Khai thác tốt điều kiện, hoàn cảnh tự nhiên để tạo ra của cải vật chất.

Câu 289: Các câu tục ngữ về con người và xã hội muốn gửi gắm cho người đọc điều gì?

- A. Những lời khuyên về cách ứng xử cho con người ở nhiều lĩnh vực: đấu tranh xã hội, quan hệ xã hội.
- B. Khuyên về học tập cho con người.
- C. Khuyên về cách ứng xử trong lao động.
- D. Khuyên về cách ứng xử trong kinh tế.

**BÀI 8. NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT
MA TRẬN**

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
----	--	-----------	------------	----------	-------------

1	Ngữ liệu 1: Trò chơi cướp cờ	7	7	2	16
2	Ngữ liệu 2: Hương Khúc	14	5	4	23
3	Ngữ liệu 3: Lễ hội Đèn Hùng	5	6	2	6
Tổng		26	18	8	45

Ngữ liệu 1

TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ

(Theo Nguyễn Thị Thanh Thuỷ)

a. Mục đích:

- Góp phần rèn luyện thể lực, sự khéo léo, nhanh nhẹn, tinh mắt, khả năng phán đoán và di chuyển cho hợp lí... cho người chơi.
- Tạo không khí vui vẻ, thi đua, tính tập thể, tinh thần đoàn kết khi chơi.

b. Chuẩn bị:

- Số lượng người chơi không hạn chế, chia thành hai đội A và B, mỗi đội từ năm người trở lên, người chơi của mỗi đội được sắp xếp theo thứ tự quy định như 1,2,3,4...
- Chọn địa điểm chơi rộng rãi, bằng phẳng như sân nhà, sân trường, sân diêm vui chơi...
- Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá... tượng trưng cho cờ.
- Kẻ một vạch mốc xuất phát tại mỗi đầu sân chơi, khoảng cách từ vòng tròn giữa sân đến các vạch mốc ấy phải bằng nhau.

c. Hướng dẫn cách chơi

- Đầu tiên, người chơi của hai đội đứng thành hàng ngang theo thứ tự trước vạch mốc tại hai đầu sân chơi.
- Tiếp theo, trọng tài điều khiển cuộc chơi đứng giữa sân, hô to số thứ tự nào thì người chơi có số thứ tự đó của mỗi đội cùng chạy thật nhanh lên vị trí cầm cây cờ ở giữa sân, lừa thế xô qua, đẩy lại để tìm cách giật cho được cây cờ. Người chơi nào cướp được cây cờ thì chạy thật nhanh về đội mình, còn người của đội kia sẽ tìm cách cố chặn để cướp lại cây cờ bằng cách đập (vỗ) vào người chạy cầm cờ. Người cầm cờ bị đập (vỗ) phải bỏ cờ xuống đất và người kia cướp cây cờ chạy về đội của mình. Cuộc rượt đuổi cứ thế tiếp tục, cho đến khi người chơi nào về đến đội của mình với cây cờ trên tay là thắng cuộc và được tính điểm
- Sau đó, cờ lại được đặt vào vị trí quy định của trọng tài gọi hai người chơi tiếp theo của hai đội tham gia. Trò chơi lại tiếp tục, cho đến hết số người chơi của hai đội
- Khi chơi cần lưu ý:
 - + Người chơi chỉ được lên cướp cờ khi trọng tài gọi đúng số thứ tự của mình.
 - + Chỉ được đập (vỗ) nhẹ lên người chơi đối phương khi họ cầm cờ.
 - + Khi người chơi đã cầm cờ chạy qua được vạch của đội mình thì người chơi của đội kia không được đập vào người bạn chơi.

- + Trọng tài có thể gọi nhiều cặp đôi của hai đội cùng lên cướp cờ.
- + Kết thúc cuộc chơi, đội nào được nhiều điểm hơn sẽ thắng cuộc. Phần thưởng cho đội thắng có thể là hiện vật hoặc đội thua cống một vòng quanh sân.

(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim

Đồng, năm 2014)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 290: Tác giả của văn bản “Trò chơi cướp cờ” là ai?

- A. Nguyễn Thị Thanh Thủy
- B. Nguyễn Quang Thiêm
- C. Nguyễn Tường Tam
- D. Giang Nam

Câu 291: Số lượng người chơi trong trò chơi cướp cờ là bao nhiêu?

- A. Số người không hạn chế
- B. 4 người trở lên
- C. 3 người một đội.
- D. 2 người một đội

Câu 292: Nên chọn địa điểm như thế nào để chơi cướp cờ?

- A. Rộng rãi, bằng phẳng
- B. Gồ ghề, nhiều đá sỏi
- C. Gần sông suối, ao hồ
- D. Tác giả không nói đến.

Câu 293: Vạch mốc xuất phát cần phải được kẻ tại đâu?

- A. Mỗi đầu sân chơi
- B. Một đội nào đó, đội đó sẽ được coi là chủ cờ
- C. Chỗ cắm cờ
- D. Không có vạch mốc xuất phát

Câu 294: Bảng tỉ số được đặt ở đâu?

- A. Ở giữa sân đấu
- B. Bên cạnh sân đấu chính
- C. Treo ở trên cao
- D. Tác giả không nói đến.

Câu 295: Ai là người điều khiển trận đấu?

- A. Trọng tài
- B. Một ai đó
- C. Người làm chủ cờ
- D. Thầy, cô giáo

Câu 296: Trò chơi cướp cờ thường tổ chức cho những ai chơi?

- A. Học sinh

- B. Người lớn
- C. Cụ già
- D. B và C đều đúng

Câu 297: Xác định chức năng của số từ *một* trong câu văn sau: *Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá... tượng trưng cho cờ.*

- A. Số từ chỉ lượng chính xác
- B. Số từ chỉ lượng ước chừng
- C. Số từ biểu thị số thứ tự.
- D. Số từ đứng sau danh từ.

b) Thông hiểu

Câu 298: Đặc điểm nào về từ loại góp phần thực hiện mục đích của văn bản này?

- A. Câu sử dụng nhiều động từ.
- B. Câu sử dụng nhiều danh từ.
- C. Câu sử dụng nhiều trợ từ.
- D. Câu sử dụng nhiều từ ngữ để chỉ luật lệ của trò chơi

Câu 299: Thông tin trong văn bản được triển khai theo cách nào?

- A. Theo trật tự thời gian.
- B. Theo bố cục không gian.
- C. Theo đối tượng mà văn bản hướng tới.
- D. Theo trật tự không gian và thời gian.

Câu 300: Người chơi cướp cờ bắt buộc phải nhớ gì ?

- A. Số thứ tự của mình
- B. Tên các thành viên trong đội
- C. Số thứ tự thành viên hai đội.
- D. Không cần nhớ số thứ tự

Câu 301: Dựa vào đâu để trọng tài lấy khoảng cách từ vạch xuất phát đến vòng tròn cấm cờ?

- A. Dựa vào diện tích
- B. Dựa vào độ tuổi
- C. Dựa vào trò chơi
- D. Dựa vào luật chơi

Câu 302: Xác định công dụng của dấu chấm lửng trong câu sau: *Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá... tượng trưng cho cờ.*

- A. Biểu đạt ý còn nhiều sự vật của trò chơi chưa được liệt kê hết.
- B. thể hiện lời nói bỏ dở ngập ngừng
- C. Làm giãn nhịp điệu câu văn.
- D. biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

Câu 303: Để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải làm gì?

A. Chạy lên lấy được cờ từ giữa sân sau tiếng hô của trọng tài và chạy về đến vạch đội mình với cây cờ trên tay mà không bị bạn chơi ngăn cản hoặc đập (vỗ) nhẹ lên người.

B. Mỗi khi đánh bại được một đội, ta sẽ được một điểm. Ngoài ra ta có thể cướp điểm số từ đội khác nếu chơi trên cơ họ.

C. Ta phải đưa được cờ về vị trí chỉ định trong thời gian nhanh nhất.

D. Xử ép trọng tài để lấy lợi thế.

c) Vận dụng

Câu 304: Đặc điểm nào về cấu trúc góp phần thực hiện mục đích của văn bản này?

A. Gồm 3 phần: giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi chơi, trình bày cách chơi.

B. Gồm 3 phần rõ ràng: mở bài, thân bài, kết bài.

C. Cấu trúc song song, kết hợp giữa lí thuyết và ví dụ minh hoạ.

D. Cấu trúc phân tầng: trình bày từ cái bao quát đến cái chi tiết.

Câu 305: Theo em, sự hấp dẫn, vui nhộn nhất của trò chơi cướp cờ là ở thời điểm nào?

A. Cả đội cùng chạy lên vòng tròn và cướp được cờ.

B. Một mình được tham gia trò chơi cướp cờ.

C. Cướp được cờ về cho đội của mình

D. Tất cả các thành viên đều được tham gia cướp cờ cùng một thời điểm

Ngữ liệu 2

HƯƠNG KHÚC

(Nguyễn Quang Thiều)

Thường thì vào cuối tháng Mười một âm lịch, rau khúc đã bắt đầu nở lác đác trên đồng. Nhưng phải sang tháng Giêng, tháng Hai, rau khúc mới nở rộ. Đó là khoảng thời gian những làn mưa xuân ẩm áp thường trề về trên cánh đồng lúc gần sáng. Hồi còn nhỏ, trong những đêm gần sáng như thế, không hiểu lí do gì mà tôi thường thức giấc. Bà nội kéo chiếc chăn chiên nhiều lỗ thủng ủ kín tôi và nói: “mưa ẩm thế này, khúc lại nở trắng đồng” những lúc như thế, tôi nín thở đóng tai nghe mưa nhưng chỉ nghe thấy tiếng côn trùng rí rả. Và tôi lại nói với bà “ Cháu chẳng nghe thấy mưa gì cả”. Bà tôi khẽ khàng “ Đang mưa đầy trời đấy”.

Bà không bao giờ hái rau khúc vào buổi chiều. Rau khúc vào buổi sáng sớm khi sương vẫn còn đọng trên mặt ruộng là lúc rau khúc ử nhiều hương nhất vì thế mà ngon nhất. Có lẽ vì vậy mà mỗi khi ngắt một ngọn rau khúc nhỏ lên, lấy hai ngón tay vò nhẹ thì mùi thơm nhẹ của rau khúc dâng lên như mùi thơm của chỗ bánh khúc vừa đồ chín trong bếp. Mỗi khi dỡ những chiếc bánh khúc trong chõ ra, bà nội lại xếp dăm cái lên đĩa để thả hương trên ban thờ. Rồi bà tôi dỡ năm chiếc bánh khúc nóng hổi cho vào một chiếc đĩa để chị tôi mang vào cuối làng biếu bà

ngoại tôi. Chỉ sau khi làm xong hai việc đó, bà mới cho chúng tôi ăn bánh khúc. Tôi nâng chiếc bánh khúc lên như nâng một báu vật. Mùi thơm ngậy của rau khúc đồ chín, mùi của gạo nếp, mùi của nhân đậu xanh quyện với mùi hành mỡ toả ra làm nên một thứ ẩm thực chứa đầy hạnh phúc lạ lùng trong tâm khảm tôi. Không phải hạnh phúc của một kẻ đói khát được ăn. Một thứ của hạnh phúc ẩm thực nhưng thiêng liêng và da diết mơ hồ

Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc mới giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cúi rạp người xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh và hít thật sâu. Cho dù chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chính và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân bánh. Những miếng mỡ hái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi còn phủ một lớp rau khúc kín mặt chỗ để giữ hơi và làm cho chỗ bánh đậm thêm hương rau khúc.

Tôi cùng ngồi bên bếp lửa cùng bà đồ bánh. Căn bếp là nơi chốn ấm áp và ngập tràn thương nhớ của tôi. Có lần, khi bà tôi đưa cho tôi chiếc bánh khúc nóng hổi vừa dỡ từ chỗ ra, tôi đã đánh rơi chiếc bánh xuống nền bếp tro. Tôi vội cầm lên và cứ thế ăn cả chiếc bánh cùng tro bếp. Tôi không thể nào làm sạch tro từ chiếc bánh. Nhưng có lẽ là tôi không thể nào bỏ đi cho dù là một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc và ngậy thơm làm vỏ dinh trên chiếc bánh được.

(Trích Tôi khóc những cánh đồng rau khúc, in trong Mùi kĩ ỨC, NXB Trẻ, 2017)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 306: Rau khúc thường mọc ở đâu?

- A. Trên đồng
- B. Trên núi
- C. Trong vườn
- D. Tác giả không đề cập đến.

Câu 307: Rau khúc nở rộ vào thời điểm nào?

- A. Tháng Giêng, tháng Hai
- B. Bất cứ thời điểm nào trong năm
- C. Mỗi đầu tháng theo lịch dương

D. Mùa thu và mùa hè

Câu 308: Bà không bao giờ hái rau khúc vào buổi nào trong ngày?

A. Buổi chiều

B. Buổi sáng

C. Buổi trưa

D. Buổi tối

Câu 309: Rau khúc vào buổi sớm có đặc điểm gì?

A. Lúc đó rau khúc ứ nhiều hương nhất vì thế mà ngon nhất.

B. Có sức sống mãnh liệt, vượt qua màn đêm tăm tối.

C. Héo úa, không thích hợp để lấy về làm bánh.

D. Thích sống môi trường nước mùi thơm hơn.

Câu 310: Mỗi lần hái rau khúc về, bà thường làm gì?

A. Lấy nước mưa trong bể rửa sạch và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã.

B. Cho vào nồi nấu bánh khúc luôn vì đây là lúc cây còn tươi.

C. Giã rau khúc một lúc rồi cho vào nồi hấp.

D. Tác giả không nói đến công đoạn này.

Câu 311: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Tôi nâng chiếc bánh khúc như nâng một báu vật” là gì?

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. Ẩn dụ

D. So sánh, ẩn dụ

Câu 312: Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc” là gì?

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 313: Văn bản này được trích từ đâu?

A. Tôi khóc những cánh đồng rau khúc

B. Tôi thích ăn rau khúc

C. Văn học dân gian Việt Nam

D. Tập truyện ngắn của Tố Hữu

Câu 314: Rau khúc bắt đầu nở lác đác vào tháng mấy của năm?

A. Tháng Mười Một âm lịch

B. Tháng Một dương lịch

C. Tháng Mười Một dương lịch

D. Tháng Một âm lịch

Câu 315: Nguyên liệu nào dùng để làm bánh khúc?

A. Rau khúc, gạo nếp, đậu xanh, mỡ hành

B. Rau cải cúc, gạo, đậu xanh, mỡ hành

C. Cải bắp, gạo nếp, đậu xanh, mỡ hành

D. Cải củ, gạo nếp, đậu xanh, mỡ hành

Câu 316: Tên “ Hương khúc “ do ai đặt?

A. Người biên soạn đặt

B. Nguyễn Quang Thiều

C. Nhà xuất bản đặt

D. Nhà Sách đặt

Câu 317: Bánh khúc được làm chủ yếu ở vùng, miền nào nước ta?

A. Miền Bắc

B. Miền Trung

C. Tây Nguyên

D. Nam Bộ

Câu 318: Bánh khúc được gói bằng lá của cây nào?

A. Cây chuối

B. Cây dừa

C. Cây sen

D. Cây dừa nước

Câu 319: Sau khi gói xong bánh khúc bà đã làm gì?

A. Cho bánh khúc vào chỗ để đồ

B. Xếp bánh khúc vào nồi để luộc

C. Nướng bánh khúc trên bếp than

D. Chiên bánh khúc

Câu 320: Đâu không phải là một tính từ cực tả về tính chất được sử dụng trong văn bản?

A. Xinh đẹp

B. Thơm ngậy

C. Ngọt ngào

D. Dân dã

b) Thông hiểu

Câu 321: Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu “Tôi nâng chiếc bánh khúc như nâng một báu vật” có tác dụng gì?

A. Thể hiện sự trân trọng, nâng niu chiếc bánh khúc

B. Thể hiện sự ngấm ngấm chiếc bánh khúc.

C. Thể hiện sự tò mò chiếc bánh khúc.

D. Thể hiện sự xem xét chiếc bánh khúc.

Câu 322: Tình cảm của tác giả với chiếc bánh khúc không được thể hiện trực tiếp trong đoạn qua câu nào sau đây?

A. Và tôi lại nói với bà: “Cháu chẳng nghe thấy mưa gì cả”.

B. Mùi thơm ngậy của rau khúc đồ chín, mùi của gạo nếp, mùi của nhân đậu xanh quyện với mùi hành mỡ toả ra và làm nên một thứ ẩm thực chứa đầy hạnh phúc lạ lùng trong tâm khảm tôi.

C. Một thứ hạnh phúc của ẩm thực nhưng thiêng liêng và da diết mơ hồ.

D. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước mắt.

Câu 323: Đối tượng trữ tình trong văn bản “Hương khúc” là:

A. Bánh khúc và bà

B. Đậu xanh và rau khúc

C. Rau khúc và mỡ hành

D. Bà và rau khúc

Câu 324: Cho biết tác dụng của phép nối trong đoạn văn sau: *Thường thì vào cuối tháng Mười một âm lịch, râu khúc đã bắt đầu nở lác đác trên đồng. Nhưng phải sang tháng Giêng, tháng Hai, râu khúc mới nở rộ*

A. Làm cho đoạn văn mạch lạc, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.

B. Làm cho câu văn mạch lạc, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.

C. Làm cho tác phẩm mạch lạc, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức

D. Làm cho các vế trong một câu mạch lạc, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức

c) Vận dụng

Câu 325: Tác giả đã dành cho chiếc bánh khúc tuổi thơ những tình cảm như thế nào?

A. Sự yêu thương, trân quý, nâng niu chiếc bánh ấy như nâng niu tất cả những gì đẹp nhất của tuổi thơ và đặc biệt trong đó còn có những kí ức rất đẹp và ấm áp về bà.

B. Sự thương nhớ, nỗi niềm da diết muốn được một lần nữa ăn chiếc bánh khúc mà bà làm ra.

C. Tình cảm trân trọng truyền thống quê hương, đất nước.

D. Thể hiện cái hay cái đẹp của miền quê yên bình.

Câu 326: Có ý kiến cho rằng: “Đây là một văn bản thông tin hướng dẫn làm bánh khúc”. Ta đánh giá thế nào về ý kiến này?

A. Đúng vì tác giả đã trình bày chi tiết cách làm một món bánh khúc cực ngon, mang đậm bản sắc quê hương.

B. Đúng vì tác giả đã sử dụng món bánh khúc để giới thiệu nét đẹp trong văn hoá ẩm thực.

C. Sai vì đây chỉ là một câu chuyện kể về quá khứ của tác giả. Nó không đảm bảo các yếu tố cần có của một văn bản hướng dẫn làm thứ gì đó.

D. Cần tùy vào tình hình để có thể đánh giá đúng sai.

Câu 327: Câu văn “Mỗi khi dỡ những chiếc bánh khúc trong chõ ra, bà nội lại xếp dăm cái lên đĩa để thắp hương trên ban thờ” việc làm của bà nội gợi cho em về đạo lí gì?

- A. Uống nước nhớ nguồn
- B. Ăn cháo đá bát
- C. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
- D. Cái nết đánh chết cái đẹp

Câu 328: Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của dân tộc được gọi ra từ văn bản là gì?

- A. Món ăn được chế biến từ sản vật quê hương
- B. Món ăn được chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu.
- C. Món ăn được chế biến từ nguyên liệu công nghiệp.
- D. Món ăn được nhập từ nước ngoài về.

Ngữ liệu 3

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giầy để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, ... của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích,

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Đến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

Lễ hội đền Hùng | Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ (phutho.gov.vn)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 329: Em hãy cho biết văn bản “Lễ hội đền Hùng” thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản thông tin
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản biểu cảm
- D. Văn bản tự sự

Câu 330: Đèn Hùng ở tỉnh nào của nước ta?

- A. Phú Thọ.
- B. Nam Định
- C. Bắc Giang
- D. Thái Bình

Câu 331: Lễ hội đèn Hùng nhắc đến ngành nghề nào của nước ta?

- A. Nông nghiệp.
- B. Thương nghiệp
- C. Công nghiệp
- D. Lâm nghiệp

Câu 332: Từ *đã*, *cứ* trong câu : “Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”. Thuộc từ loại nào?

- A. Phó từ.
- B. Danh từ
- C. Động từ.
- D. Tính từ.

Câu 333: Tỉnh Phú Thọ thuộc vùng nào?

- A. Vùng miền núi trung du Bắc Bộ.
- B. Vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng
- C. Vùng bắc Trung Bộ
- D. Vùng đồng bằng duyên hải Miền Trung

b) Thông hiểu

Câu 334: Ý nào đúng nhất về số từ được sử dụng trong câu văn sau: “Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”.

- A. Số từ biểu thị số lượng chính xác
- B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng
- C. Số từ biểu thị số thứ tự
- D. Số từ biểu thị số lượng

Câu 335: Sự tích nào sau đây liên quan đến lễ hội đèn Hùng?

- A. Sự tích “Bánh chưng, bánh giầy”
- B. Sự tích “Cây lúa”
- C. Sự tích “Quả dưa hấu”
- D. Sự tích “Trầu cau”

Câu 336: Lễ hội đèn Hùng, gợi cho em nhớ đến câu ca dao nào?

- A. Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười tháng ba.

- B. Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
- C. Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- D. Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Câu 337: Văn bản “Lễ hội đền Hùng” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

- A. Thời gian, địa điểm, phần lễ - hội, ý nghĩa**
- B. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần lễ
- C. Nguồn gốc, chuẩn bị, địa điểm, ý nghĩa
- D. Thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức phần hội

Câu 338: Lễ hội đền Hùng suy tôn và tri ân các vị vua nào?

- A. Vua Hùng**
- B. Vua nhà Li
- C. Vua nhà Trần
- D. Vua Nhà Lê

Câu 339: Phó từ **đã** trong câu : *Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.* Bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

- A. Bổ sung ý nghĩa về thời gian.**
- B. Bổ sung nghĩa mức độ
- C. Bổ sung nghĩa về sự phủ định.
- D. Bổ sung nghĩa về sự cầu khiến.

c) Vận dụng

Câu 340: Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta?

A. Ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục lòng biết ơn, tôn trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa...)

B. Ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục lòng thương, tôn trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa...)

C. Ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục lòng kiên trì, tôn trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa...)

D. Ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục tinh thần tôn trọng đạo, tôn trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa...)

Câu 341: “Lễ hội đền Hùng” nhắc đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam ta?

- A. Uống nước nhớ nguồn**
- B. Tương thân tương ái
- C. Tôn sư trọng đạo
- D. Lá lành đùm lá rách

BÀI 9. TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG (Truyện khoa học viễn tưởng)

MA TRẬN

TT	Chủ đề/bài	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Ngữ liệu 1: Một trăm dặm dưới mặt đất	4	6	3	13
2	Ngữ liệu 2: Hai vạn dặm dưới biển	4	4	2	10
3	Ngữ liệu 3: Dòng sông đen	9	3	2	14
Tổng cộng:		17	13	7	37

Ngữ liệu 1:

“Cuộc du hành vào lòng đất” (1864) là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc-nơ. Câu chuyện kể về một Giáo sư người Đức tên là Lin-đen-brốc (Lidenbrock) tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái đất. Ông cùng đứa cháu trai A-xen (Axel) và người dẫn đường Han-xơ (Hans) đã trải qua những chuyến phiêu lưu thú vị. Sau đây là một đoạn trích từ tác phẩm.

MỘT TRĂM DẶM DƯỚI MẶT ĐẤT

[...] Tôi được biết cái ngã “may mắn” đã hất tôi xuống đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

- A-xen này, - Giáo sư nói – bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chú cũng thấy lạ! Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đâu!

“Chúng ta không nên rời nhau!”. Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chú tôi hỏi:

- Sao vậy, A-xen?

- Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?

- Không!

- Ồ! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng Mặt trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

- Chú sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết ! [...] Tôi vội vàng mặc quần áo và cẩn thận khoác thêm một cái chăn, rồi bước ra khỏi hang. Thoạt đầu, tôi chẳng trông thấy gì cả. Mắt tôi đã quen với bóng tối nên bỗng nhắm mắt tít lại. Khi mở được mắt, tôi không khỏi kêu lên vì quá đỗi sửng sốt :

- Biển !

- Phải! – Giáo sư đáp - Biển Lin –đen-bróc đây ! Chắc chắn không một nhà hàng hải nào tranh chấp với chú về niềm vinh dự đã khám phá ra cái biển ngầm này về quyền lấy tên mình đặt cho biển!

Một làn nước rộng trải ra mênh mông quá tầm mắt. Từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn rải rác những vỏ ốc, vỏ sò. Tiếng sóng vỗ bờ rì rào, âm vang. Bọt sóng nhẹ tung bay theo gió, phả vào mặt tôi.

Trên bãi thoải thoải này, ở cách mép sóng một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đá như xé toạt bờ biển, đâm ra khơi thành những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương.

Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn. Tuy vậy, đây vẫn không phải là Mặt Trời nên ánh sáng không nóng, hơn nữa còn gây ra một ấn tượng hết sức u sầu và ảm đạm! Ở trên những đám mây đáng lẽ phải là một bầu trời đầy sao lấp lánh, lại thấy một vòm đá hoa cương đang dòn hết sức nặng lên người tôi và cả khoảng không gian dù bao la thế nào chẳng nữa ấy cũng không thể đủ chỗ cho một vệ tinh khiêm tốn nhất du hành!

Như vậy, chúng tôi bị giam trong một cái hang rộng đến nỗi không thể ước lượng được diện tích. Từ “hang” và cả những từ khác trong tiếng nói của loài người cũng không thể đủ ý để miêu tả cái nơi rộng mênh mông này. Tôi cũng không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của một chỗ như vậy.

Phải chăng do Trái Đất khi nguội lạnh đã tạo thành? Tôi đã từng được nghe các nhà du lịch kể về những cái hang nổi tiếng song không có một nơi nào có kích thước như vậy. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!

Tôi đứng lặng ngấm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sừng sốt và kinh hãi!

Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn! [...]

(GIUYN VÉC –NO, Cuộc du hành vào lòng đất, BÍCH THỦY dịch, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 342: Phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 343: Nhân vật trong tác phẩm thuộc kiểu nhân vật nào ?

- A. Những nhà khoa học
- B. Người ngoài hành tinh
- C. Người có năng lực phi thường
- D. Những nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ

Câu 344: Câu văn: “*Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.*” đã sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

b) Thông hiểu

Câu 345: Đề tài của văn bản trên là gì?

- A. Khám phá lòng đất
- B. Chế tạo dược liệu
- C. Khám phá đáy đại dương
- D. Du hành vũ trụ

Câu 346: Nội dung chính của đoạn văn viết bằng chữ in nghiêng phía trên tiêu đề “*Một trăm dặm dưới mặt đất*” là gì ?

- A. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết *Cuộc du hành vào lòng đất* của Véc – nơ
- B. Kể lại chuyện phiêu lưu và thám hiểm miệng núi lửa
- C. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất
- D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái

Đất

Câu 347: Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích ?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng nhưng có cơ sở khoa học
- B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh
- C. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực
- D. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết

Câu 348: Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học ?

A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra

B. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

C. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

D. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi!

Câu 349: Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu “Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động” là gì?

A. Làm nổi bật những khía cạnh cụ thể mang tính đặc trưng của sự vật

B. Làm cho sự vật gần gũi với con người

C. Tạo sự tương đồng giữa các sự vật để tăng sức gợi hình

D. Làm cho câu văn thêm hấp dẫn

Câu 350: Vì sao nhân vật "tôi" lại ngấm nhìn, ngấm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi?

A. Vì vẻ đẹp kì vĩ của hang khiến trí tưởng tượng của nhân vật “tôi” bất lực và không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của nó.

B. Vì vẻ đẹp kì vĩ của hang rộng dưới lòng đất

C. Khung cảnh dưới lòng đất khiến cho nhân vật tôi "không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của một chỗ như vậy

D. Vẻ đẹp thiên nhiên dưới lòng đất khiến cho "trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy".

Câu 351: Số từ trong : “*Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!*” có tác dụng gì?

A. Chỉ số lượng

B. Chỉ số thứ tự

C. Số từ đứng trước danh từ

D. Trong câu trên không có số từ

c) Vận dụng

Câu 352: Em rút ra thông điệp gì từ tác phẩm?

A. Lòng đất có nhiều điều kì thú mà con người chưa khám phá hết

B. Miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm trái đất

C. Lòng đất chứa đựng nhiều nguy hiểm

D. Biển ngầm trong lòng đất

Câu 353: Vấn đề viễn tưởng được nêu trong văn bản khiến em suy nghĩ gì về thành tựu khoa học của nhân loại hiện nay ?

A. Khoa học đã biến những điều không thể thành có thể

B. Những vấn đề nêu trong văn bản vẫn chỉ là viễn tưởng

C. Trong lòng đất không thể có biển, cát vàng, rừng núi, đá hoa cương

D. Lỗi Trái Đất có nhiệt độ tương đương với nhiệt độ Mặt Trời

Câu 354: Thông qua tác phẩm, em nhận xét như thế nào về tác giả Giuyn Véc – nơ?

A. Là người am hiểu sâu rộng về kiến thức địa lí, vật lí, tự nhiên và xã hội

B. Là một nhà văn có trí tưởng tượng thiếu cơ sở khoa học

C. Sự kiện trong tác phẩm đã “đi trước thời gian”

D. Tác giả xây dựng cốt truyện luôn li kì, hấp dẫn

Ngữ liệu 2

HAI VẠN DẠM DƯỚI BIỂN

“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những

tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đồng đá ngổn ngang. Ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”

(Trích *Chương 33-Hai vạn dặm dưới biển*- Giuyn Véc – nơ; NXB Văn học)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 355: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc thể loại văn bản nào?

- A. Văn bản khoa học viễn tưởng
- B. Văn bản đồng thoại
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản tản văn, tùy bút

Câu 356: Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?

- A. Lửa cháy trong nước
- B. Đồng xương khô
- C. Các loại động vật kì lạ
- D. Những ngọn núi dưới đáy biển

Câu 357: Thuyền trưởng Nê-mô được so sánh với ai?

- A. Vị thần biển
- B. Vị thần núi
- C. Vị thần ánh sáng
- D. Vị thần không lồ

Câu 358: Xác định trạng ngữ trong câu : “*Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên.*”

- A. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy
- B. Nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước
- C. Thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên
- D. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước

b) Thông hiểu

Câu 359: Tác dụng của trạng ngữ trong câu “*Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên*” là gì ?

A. Mở rộng câu giúp nội dung câu chi tiết, cụ thể, hấp dẫn hơn.

B. Bổ sung ý nghĩa về thời gian cho câu

C. Bổ sung ý nghĩa về trạng thái tâm lí của nhân vật.

D. Bổ sung ý nghĩa và giúp cho câu được liên kết mạch lạc hơn.

Câu 360: Nghĩa của từ “ám ảnh” trong câu “*Những ý nghĩ vờ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi*” là gì?

A. Điều không hay luôn lớn vồn trong trí, không sao xua đi được

B. Điều tốt đẹp luôn lớn vồn trong tâm trí, không sao xua đi được

C. Sự tưởng tượng về một thế giới không có thực

D. Hình ảnh khắc sâu trong tâm trí không sao xua đi được

Câu 361: Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích?

A. Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

B. Ông rất khỏe mạnh, cường tráng

C. Ông có những thiết bị hiện đại

D. Ông có nhiều kinh nghiệm với các cuộc thám hiểm

Câu 362: Trong câu “*Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét*”, nhân vật trong cuộc thám hiểm nhận thấy được điều gì ?

A. Thám hiểm đại dương sẽ mở ra được ánh hào quang trong tâm hồn.

B. Tầm quan trọng của việc thám hiểm, khám phá.

C. Thám hiểm sẽ làm chúng ta trở nên yêu đời hơn.

D. Hãy thám hiểm đại dương để cuộc sống ta thêm tươi đẹp.

c) Vận dụng

Câu 363: Vấn đề viễn tưởng được nêu trong văn bản khiến em suy nghĩ gì về thành tựu khoa học của nhân loại hiện nay?

A. Khoa học đã biến những điều không thể thành có thể

B. Tác phẩm là sản phẩm của trí tưởng tượng siêu việt của Giuyn Véc-nơ

C. Vấn đề được nêu trong văn bản vẫn chỉ là viễn tưởng, không thành hiện thực

D. Tác phẩm đã nuôi dưỡng biết bao ước mơ trong trẻ em về chinh phục đại dương bao la

Câu 364: Theo em, những ước mơ nào của trẻ em được gợi lên từ tác phẩm?

A. Nhà hải dương học, nhà chế tạo tàu ngầm

B. Nhà hải dương học

C. Nhà chế tạo tàu ngầm

D. Nhà địa chất

Ngữ liệu 3

DÒNG “SÔNG ĐEN”

Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi về. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê-mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không ? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát và trả thù ? Phải chăng ông ta là một trong số những nhà bác học không được thừa nhận, một thiên tài “bị người đời hắt hủi”, như Công – xây nói ? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đoán chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.

Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kể nhất là Gơn-xơ-rim (Gulf Stream). Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.

Tàu Nau-ti-lux chạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Cư-rô-xi-ô (Kuroshio), nghĩa là “Sông Đen”. Ra khỏi vịnh Băng – gan (Bengal), được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy theo eo Ma-lắc-ca (Malacca), dọc theo bờ biển châu Á rồi dòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út (Aleutian). Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thẫm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt...

(Trích *Hai vạn dặm dưới biển*, Giuyn Véc – nơ , NXB Văn học, Hà Nội 2020)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 365: Đoạn trích “Dòng Sông Đen” được trích từ tác phẩm nào?

- A. Hai vạn dặm dưới biển
- B. Cuộc du hành vào lòng đất
- C. Hành trình vào tâm Trái đất
- D. Người cá

Câu 366: Văn bản sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

- B. Tự sự, miêu tả, nghị luận
- C. Tự sự, biểu cảm, nghị luận
- D. Tự sự, nghị luận, thuyết minh

Câu 367: Không gian trong đoạn trích có gì đặc biệt ?

- A. Dưới đáy đại dương, trong con tàu ngầm Nau-ti-lux chạy bằng điện
- B. Dưới đáy đại dương, trong con tàu thám hiểm Lin-côn
- C. Dưới đáy đại dương, trong hai con tàu ngầm là Nau-ti-lux và Lin-côn
- D. Trong con tàu ngầm Nau-ti-lux chạy bằng điện

Câu 368: *Sông đen* thuộc hải lưu nào?

- A. Hải lưu phía bắc Thái Bình Dương
- B. Hải lưu phía bắc Đại Tây Dương
- C. Hải lưu phía nam Đại Tây Dương
- D. Hải lưu phía nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

Câu 369: Hành trình thám hiểm của tàu Nau-ti-lux đi qua mấy hải lưu lớn?

- A. Hành trình thám hiểm gồm 5 hải lưu lớn
- B. Hành trình thám hiểm gồm 4 hải lưu lớn
- C. Hành trình thám hiểm gồm 3 hải lưu lớn
- D. Hành trình thám hiểm gồm 2 hải lưu lớn

Câu 370: Trong câu: “*Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.*”, tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Liệt kê
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 371: “*Sông Đen*” thuộc hải lưu nào?

- A. Phía bắc Thái Bình Dương
- B. Phía bắc Đại Tây Dương
- C. Phía nam Đại Tây Dương
- D. Phía nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

Câu 372: Thuyền trưởng Nê-mô là người như thế nào?

- A. Lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo
- B. Rất lạnh lùng và chưa từng bắt tay giáo sư A-rô-nắc
- C. Chưa từng đưa tay cho giáo sư A-rô-nắc bắt
- D. Không lạnh lùng cũng không chu đáo

Câu 373: Chi tiết nào miêu tả tính cách lạnh lùng của thuyền trưởng Nê-mô?

A. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.

B. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.

C. Ông ta tiếp đoán chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo

D. Phải chăng ông ta là một trong số những nhà bác học không được thừa nhận, một thiên tài “bị người đời hắt hủi”...?

b) Thông hiểu

Câu 374: Trong câu “Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ”, em hãy cho biết độ kinh là gì ?

A. Khoảng cách tính bằng độ cung kể từ kinh tuyến gốc đến một kinh tuyến nào đó theo một trong hai chiều, về hướng đông hay về hướng tây

B. Khoảng cách tính bằng độ cung kể từ xích đạo đến một vĩ tuyến nào đó theo hai chiều, lên Bắc Cực hoặc xuống Nam cực

C. Khoảng cách tính bằng độ cung kể từ kinh tuyến gốc đến một kinh tuyến nào đó theo một trong hai chiều, lên Bắc Cực hoặc xuống Nam Cực

D. Khoảng cách tính bằng độ cung kể từ xích đạo đến một vĩ tuyến nào đó theo hai chiều, về hướng đông hay về hướng tây

Câu 375: Cu-rô-xi-ô là dòng hải lưu như thế nào?

A. Dòng hải lưu nóng, chảy ven bờ đông quần đảo Nhật Bản sang phía bờ biển miền tây lục địa Bắc Mỹ

B. Một hải lưu mạnh, ấm và chảy nhanh ở Đại Tây Dương, xuất phát từ vịnh Mê-xi-cô chảy qua eo biển Phờ-lo-ri-a

C. Một hải lưu lạnh chảy theo hướng bắc ngoài bờ biển phía tây Nam Mỹ

D. Hải lưu ấm chảy theo chiều kim đồng hồ xuống phía đông bờ biển nước Úc

Câu 376: Thế nào là dòng hải lưu ?

A. Hải lưu hay dòng biển là dòng chuyển động trực tiếp, liên tục và tương đối ổn định của nước biển và lưu thông ở một trong các đại dương của Trái Đất

B. Các dòng hải lưu có thể lưu thông trên một quãng đường dài hàng ngàn kilômét.

C. Dòng hải lưu rất quan trọng trong việc xác định khí hậu của các lục địa, đặc biệt ở những khu vực gần biển

D. Hải lưu thực chất chính là sông trong đại dương, những dòng sông này chảy men theo một đường nhất định

c) Vận dụng

Câu 377: Qua câu chuyện, em rút ra thông điệp gì?

A. Chinh hình phục đại dương của con người sẽ sớm thành hiện thực

- B. Chiếc tàu ngầm là ý tưởng đầy sáng tạo
- C. Dưới đại dương có những con người bí ẩn
- D. Đại dương có vẻ đẹp kì diệu

Câu 378: Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

A. Truyện được viết theo thể hư cấu về một điều giả định dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện

B. Truyện được viết theo thể hư cấu về một điều giả định dựa trên trí tưởng tượng của người viết truyện

C. Truyện hư cấu nhưng được dựa trên tri thức khoa học

D. Truyện hoàn toàn hư cấu

Câu 379: Trí tưởng tượng khoa học của Giuyn Véc-nơ đã *đi trước thời đại*. Điều ấy đã được chứng minh bởi thành tựu khoa học tiên tiến nào của nhân loại?

A. Tàu ngầm nguyên tử mang sứ mệnh nghiên cứu đại dương

B. Tàu ngầm di chuyển bằng động cơ Diesel

C. Tàu ngầm chạy bằng khí nén và hơi nóng ra đời

D. Tàu ngầm chạy bằng động cơ điện

BÀI 10. LẮNG NGHE TRÁI TIM MÌNH (THƠ)

MA TRẬN

TT	Chủ đề/bài	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Ngữ liệu 1: Mùa xuân nho nhỏ	10	14	4	28
2	Ngữ liệu 2: Mẹ	5	6	3	14
Tổng cộng:		15	20	7	42

Ngữ liệu 1

MÙA XUÂN NHO NHỎ

Thanh Hải

Mọc giữa dòng sông xanh
 Một bông hoa tím biếc
 Ôi con chim chiền chiện
 Hót chi mà vang trời
 Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng. (1)

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao... (2)

Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước. (3)

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến. (4)

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc. (5)

Mùa xuân – ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế. (6)

(Thanh Hải, trong Thơ Việt Nam năm 1945-1985, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 380: Khổ thơ thứ nhất tả cảnh gì?

A. Mùa xuân thiên nhiên

- B. Mùa xuân đất nước
- C. Mùa xuân thiên nhiên và đất nước
- D. Mùa xuân đặc trưng của xứ Huế

Câu 381: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất?

- A. Nhân hóa, ẩn dụ
- B. So sánh, nhân hóa
- C. Ẩn dụ, hoán dụ
- D. Hoán dụ, so sánh

Câu 382: Trong các khổ thơ trên, nhịp thơ nào được sử dụng phổ biến?

- A. Nhịp 3- 2 và 2-3
- B. Nhịp 1-2-2 và 3-2
- C. Nhịp 1-2-2 và 2-3
- D. Nhịp 2-1-2 và 2-3

Câu 383: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Biểu cảm
- B. Tự sự
- C. Nghị luận
- D. Miêu tả

Câu 384: Đâu không phải là đặc điểm thơ của Thanh Hải ?

- A. **Đậm chất chính luận**
- B. Bình dị, nhẹ nhàng
- C. Đậm chất triết lí
- D. Thiết tha, sâu lắng

Câu 385: Nhan đề “*Mùa xuân nho nhỏ*” được cấu tạo bằng những từ loại nào?

- A. **Danh từ kết hợp tính từ**
- B. Danh từ
- C. Tính từ
- D. Cụm danh từ

Câu 386 : Mùa xuân của thiên nhiên được tác giả khắc họa qua những từ ngữ nào ?

- A. **Dòng sông xanh, hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện, giọt long lanh**
- B. Dòng sông xanh, hoa tím biếc
- C. Hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện
- D. Tiếng chim chiền chiện, giọt long lanh

Câu 387: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ ba?

- A. **Hoán dụ, so sánh, điệp ngữ**

- B. Ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ
- C. Nhân hóa, so sánh, điệp ngữ
- D. Điệp ngữ, so sánh, liệt kê

Câu 388: Mùa xuân của đất nước trong khổ thơ thứ 2 gắn liền mấy nhiệm vụ?

- A. Mùa xuân đất nước với 2 nhiệm vụ
- B. Mùa xuân đất nước với 3 nhiệm vụ
- C. Mùa xuân đất nước với 4 nhiệm vụ
- D. Mùa xuân đất nước với 1 nhiệm vụ

Câu 389: Dòng nào sau đây không phải tất cả các từ đều là từ láy?

- A. Tươi tốt, hồi hả, xôn xao, nho nhỏ
- B. hồi hả, xôn xao, nho nhỏ, xao xuyến
- C. hồi hả, nho nhỏ, xao xuyến, long lanh
- D. hồi hả, xôn xao, nho nhỏ, long lanh

b) Thông hiểu

Câu 390: Mạch cảm xúc trong bài thơ theo trình tự nào?

- A. Mùa xuân thiên nhiên, đất nước, mùa xuân của lòng người
- B. Mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước
- C. Mùa xuân đất nước, mùa xuân của lòng người
- D. Mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân của lòng người

Câu 391: Cảm xúc của nhà thơ như thế nào trong khổ thơ thứ nhất?

- A. Say sưa, ngây ngất
- B. Bâng khuâng, man mác
- C. Hồi hả, xôn xao
- D. Tự hào, thành kính

Câu 392: Xét theo ngữ cảnh trong khổ thơ thứ nhất, em hiểu “giọt long lanh” là gì ?

- A. Âm thanh của tiếng chim chiền chiện
- B. Giọt mưa mùa xuân
- C. Giọt sương sớm mai
- D. Tưởng tượng của nhà thơ

Câu 393: Mùa xuân thiên nhiên, đất nước được khắc họa qua phương diện nào?

- A. Màu sắc, âm thanh, hình khối, giọng điệu
- B. Màu sắc, âm thanh, hình khối
- C. Màu sắc, âm thanh, giọng điệu
- D. Màu sắc, hình khối, giọng điệu

Câu 394: *Mùa xuân nho nhỏ* bắt nguồn từ cảm xúc nào?

A. Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế

B. Cảm xúc về vẻ đẹp và truyền thống của đất nước

C. Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân Hà Nội

D. Cảm xúc về thời điểm lịch sử đáng nhớ của dân tộc

Câu 395: Hình ảnh “con chim, cành hoa, nốt trầm” trong khổ thơ thứ 4 cùng có chung một ý nghĩa biểu tượng gì?

A. Là những gì bình dị, nhỏ bé, nhưng có ích cho cuộc đời

B. Là những gì tươi đẹp, có ích cho cuộc đời

C. Là những cống hiến lớn lao cho cuộc đời

D. Là những hình ảnh đẹp nhất của mùa xuân

Câu 396: Điều tâm niệm của nhà thơ thể hiện rõ nét qua khổ thơ thứ 4 và thứ 5 là gì?

A. Khát vọng được hòa nhập và cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước

B. Khát vọng được sống một cuộc sống tươi đẹp.

C. Khát khao được hòa mình vào thiên nhiên, đất nước

D. Khát vọng được làm những gì thật sự lớn lao có ích cho đất nước .

Câu 397: Trong phần đầu bài thơ, tác giả xưng “tôi” nhưng sang phần sau lại xưng “ta”, sự chuyển đổi cách xưng hô như thế có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng

B. Khẳng định vai trò của tác giả đối với cuộc đời

C. Thể hiện cái tôi cá nhân của tác giả trước cuộc đời

D. Từ “tôi” hay “ta” trong trường hợp này đều không thay đổi về nghĩa

Câu 398: Điệp từ “dù là” trong khổ thơ thứ 5 có tác dụng chính là gì?

A. Khẳng định, tự nhủ với lương tâm về sự kiên trì, thử thách với thời gian để mãi là mùa xuân nhỏ trong mùa xuân lớn của đất nước

B. Thể hiện cảm xúc của nhà thơ và gây ấn tượng sâu sắc cho độc giả

C. Tạo nhịp điệu chân thành, tha thiết, gây ấn tượng sâu sắc cho độc giả

D. Gây ấn tượng sâu sắc về cái “tôi” của tác giả

Câu 399: Nhận định nào chính xác về ý nghĩa nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” ?

A. Mùa xuân vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa ẩn dụ; tính từ *nho nhỏ* làm rõ đặc điểm của mùa xuân

B. Mùa xuân mang nghĩa thực: mùa khởi đầu của một năm, mùa của lộc non, lá biếc, của sự sinh sôi, nảy nở

C. Mùa xuân tượng trưng cho sức trẻ trong tâm hồn, trí tuệ và sự nhiệt huyết cống hiến cho đời của con người

D. Tính từ “*nhỏ nhỏ*” làm rõ hơn đặc điểm của mùa xuân rất giản dị và khiêm nhường

Câu 400: Bài thơ khép lại với hai điệu ca Huế (Nam ai, Nam bình) cùng với nhịp phách tiền gợi cho em những suy nghĩ gì về cảm xúc tác giả?

A. Cảm xúc thiết tha, trù mẫn và tự hào về quê hương, đất nước với những giá trị truyền thống vững bền

B. Hai giai điệu ca Huế: Nam ai buồn thương, Nam bình dịu dàng trù mẫn

C. Phách tiền là nhạc khí để gõ nhịp được làm bằng tre có đính thêm cộc tiền đồng

D. Cảm xúc chân thành của tác giả trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước

c) Vận dụng

Câu 401: Xét theo ngữ cảnh, từ “lộc” trong khổ thơ thứ 2 tượng trưng cho điều gì?

A. Lộc: tượng trưng cho sự nảy nở, sinh sôi, cho sự dồi dào, thành đạt

B. Lộc: là hình ảnh của chồi non, lá biếc

C. Lộc: gợi hình ảnh lá ngụy trang của người chiến sĩ

D. Lộc: gợi hình ảnh cánh đồng màu mỡ, xanh tươi của người nông dân

Câu 402: Xét theo ngữ cảnh, giải thích nghĩa của từ “đi” trong câu:

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

A. Thể hiện chí khí, quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào của dân tộc trong xây dựng đất nước

B. Sự di chuyển từ nơi này sang nơi khác bằng những bước chân

C. Thể hiện chí khí, quyết tâm của đất nước, dân tộc

D. Thể hiện niềm tin sắt đá và niềm tự hào đối với đất nước, dân tộc

Câu 403: Có thể thay thế từ “*xao xuyến*” trong câu “*Một nốt trầm xao xuyến*” bằng từ nào sau đây: “*êm ái, sâu lắng, da diết*” Vì sao?

A. Không thể thay thế vì “*xao xuyến*” thường gắn với những kỉ niệm đẹp, khó phai

B. Thế bằng từ “*êm ái*”. Vì từ này có nghĩa là êm, nhẹ, có cảm giác dễ chịu

C. Thế bằng từ “*sâu lắng*”. Vì từ này có nghĩa là sâu sắc và lắng đọng trong lòng.

D. Thế bằng từ “*da diết*”. Vì từ này có nghĩa là thấm thía và day dứt không nguôi

Câu 404: Chủ đề về sống và cống hiến cho đời trong bài thơ *Mùa xuân nhỏ nhỏ* khiến em liên tưởng đến bài thơ nào?

A. Một khúc ca xuân (Tố Hữu)

B. Ông đồ (Vũ Đình Liên)

C. Mây và Sóng (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go)

D. Những cánh bướm (Hoàng Trung Thông)

Ngữ liệu 2

MẸ

Lưng mẹ còng rồi
Cau thì vẫn thẳng
Cau – ngọn xanh rờn
Mẹ - đầu bạc trắng

Cau ngày càng cao
Mẹ ngày một thấp
Cau gần với giời
Mẹ thì gần đất!

Ngày con còn bé
Cau mẹ bỏ tư
Giờ cau bỏ tám
Mẹ còn ngại to!

Một miếng cau khô
Khô gầy như mẹ
Con nâng trên tay
Không cầm được lệ

Ngắc hỏi giời vậy
- Sao mẹ ta già ?
Không một lời đáp
Mây bay về xa.

(In trong *Đêm sông Cầu*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết

Câu 405: Bài thơ được gieo theo vần nào ?

- A. Vần hỗn hợp
- B. Vần chân
- C. Vần lưng
- D. Vần liền

Câu 406: Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về “mẹ” :

- A. Lưng mẹ còng, đầu bạc trắng, ngày một thấp, gầy, khô gầy, già
- B. Mẹ lưng còng, đầu bạc trắng, ngày một thấp, khô gầy
- C. Mẹ lưng còng, đầu bạc trắng, khô gầy, già
- D. Lưng còng, tóc trắng, thấp, gầy, già

Câu 407: Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để tả về “cau” :

- A. Vắn thẳng, ngọn xanh ròn, càng cao, gần với giời, cau khô
- B. Thẳng, xanh, cao, gần giời, cau khô
- C. Vắn thẳng, xanh ròn, gần với giời, cau khô
- D. Thẳng, ngọn xanh ròn, cau ngày càng cao

Câu 408: Xây dựng hình tượng “mẹ” và “cau”, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh, hoán dụ, nói giảm nói tránh
- B. So sánh, hoán dụ
- C. Hoán dụ, nói giảm nói tránh
- D. Nói giảm nói tránh, so sánh

Câu 409: Từ “ta” trong câu “Sao mẹ ta già?” nhân vật trữ tình đang trò chuyện với ai?

- A. Với ông giời
- B. Với đọc giả
- C. Với chính mình
- D. Từ ngữ xưng hô “ta” chỉ dùng để bộc lộ cảm xúc

b) Thông hiểu

Câu 410: Các từ ngữ nói về “mẹ” và “cau” ở khổ thơ 1 và 2 có mối quan hệ với nhau như thế nào ?

- A. Quan hệ sóng đôi nhưng đối lập về nghĩa
- B. Đối lập nhau về nghĩa
- C. Đồng nghĩa
- D. Không có mối quan hệ về nghĩa

Câu 411: Bài thơ thể hiện cảm xúc chủ đạo nào của nhân vật trữ tình ?

- A. Thương và xót xa vì mẹ đã già nua
- B. Nhớ mẹ vì đã không thể về thăm mẹ
- C. Xót xa vì mẹ quá vất vả

D. Tự hào về những phẩm chất tốt đẹp của mẹ

Câu 412: Câu thơ “*Sao mẹ ta già?*” dùng để hỏi hay bộc lộ cảm xúc ?

A. Dùng để bộc lộ cảm xúc

B. Dùng để hỏi

C. Vừa dùng để hỏi vừa bộc lộ cảm xúc

D. Không dùng để hỏi cũng không bộc lộ cảm xúc

Câu 413: Câu hỏi tu từ “*Sao mẹ ta già ?*” trong khổ thơ cuối có tác dụng chính là gì?

A. Vừa mang ý nghĩa trách cứ vừa thể hiện tình yêu và khao khát được ở bên mẹ

B. Trách cứ ông già cho con người sinh, lão, bệnh, tử

C. Nỗi buồn và sự xúc động khi đối diện với tuổi già của mẹ

D. Sự khẳng định mang tính tự tôn của nhân vật trữ tình

Câu 414: Câu thơ “*Con nâng tay mẹ*” thể hiện cảm xúc gì của người con?

A. Thể hiện thái độ trân trọng, nâng niu của người con dành cho mẹ

B. Thể hiện sự xót xa, cay đắng bị dồn nén

C. Thể hiện sự cô đơn, trống vắng

D. Thể hiện sự xót xa, tiếc nuối

c) Vận dụng

Câu 415: Từ nội dung bài thơ, em rút ra thông điệp gì ?

A. Hãy yêu thương và trân trọng những phút giây được ở bên mẹ

B. Xót xa khi mẹ đã già yếu

C. Sự khác biệt lớn giữa mẹ và cau

D. Thời gian để ta được ở bên mẹ còn rất ngắn

Câu 416: Những bài thơ nào cùng thể thơ với bài thơ *Mẹ* của tác giả Đỗ Trung Lai?

A. *Lượm*, *Đồng dao mùa xuân*, *Hạt gạo làng ta*

B. *Lượm*, *Hạt gạo làng ta*

C. *Hạt gạo làng ta*, *Đồng dao mùa xuân*

D. *Đồng dao mùa xuân*, *Lượm*

Câu 417: Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về bổn phận làm con?

A. Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ

B. Trẻ em chỉ cần được học tập, vui chơi, không lo nghĩ gì cả

C. Con cái chỉ chăm sóc, phụng dưỡng khi cha mẹ già yếu

D. Con cái phải biết ơn, kính trọng và yêu quý cha mẹ

